



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

6

Tháng 3 - 2009

## **TRIỂN LÃM VIETBUILD HANOI 2009**

**XÂY DỰNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, NHÀ Ở & TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT  
TẠI HÀ NỘI TỪ 26/3-30/3/2009**



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đánh trống khai hội  
Triển lãm Vietbuild Hanoi 2009



Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ CHÍN**

**6**

**SỐ 6 - 3/2009**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ : 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ : 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 24/2009/NĐ- CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 5
- Quyết định số 34/2009/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020 6
- Chỉ thị số 01/CT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động trong ngành Xây dựng 9

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 20/2009/QĐ - UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 12
- Chỉ thị số 01/2009/CT- UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị 14
- Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Cần Thơ về lệ phí Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở 15

### Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:  
+ Tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" 16

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

THS.KTS. NGUYỄN HÙNG OANH

**(Trưởng ban)**

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS. HUỠNH PHƯỚC

CN. ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGHIÊM THỊ THÚY GIANG

- Hội thảo khoa học: Khai thác hiệu quả công viên - vườn hoa thành phố Hà Nội 17
- Thủy tinh bột và chương trình tiết kiệm năng lượng 18
- Nhu cầu vật liệu mới - gồm kỹ thuật cho thị trường Hoa Kỳ 21
- Dự án làm đường bằng bê tông hàm lượng lớn tro bay (HVFA) ở Fatehpur Beri – New Delhi, Ấn Độ 23
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng internet 27

### **Thông tin**

- Khai mạc Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội 30
- Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức chương trình Về nguồn tại Cao Bằng 31
- Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng LICOGI tổng kết công tác năm 2008 và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2009 32
- Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo 35
- Thị xã Cửa Lò được công nhận là đô thị loại III 37
- Thị xã Bảo Lộc được công nhận là đô thị loại III 38
- Những vấn đề kinh tế và pháp luật trong dự án BT 40
- Thành phố Xanh Pêtecua (LB Nga) với nhiệm vụ trọng tâm là cải thiện môi trường đô thị 44
- 6 yếu tố quan trọng để tạo ra công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao 47



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị định số 24/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

Ngày 5/3/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 24/2009/NĐ - CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2009 và thay thế Nghị định 161/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo Nghị định này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể gửi kiến nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội đến bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực bằng văn bản hoặc thông qua Trang thông tin điện tử của các cơ quan này. Trong các kiến nghị đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành văn bản, dự kiến những nội dung chính của văn bản. Trong trường hợp không xác định được địa chỉ cụ thể thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể gửi kiến nghị đến Bộ Tư pháp để Bộ Tư pháp gửi kiến nghị đến bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ. Văn bản được đề nghị ban hành phải dựa trên các căn cứ sau: Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn; Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết các vấn đề của xã hội và các vấn đề đó cần thiết phải được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật; Bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Phải được đánh giá tác động

sơ bộ các chính sách cơ bản và nội dung chính của văn bản; Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; Phù hợp với nội dung cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có kế hoạch trở thành thành viên; Các điều kiện bảo đảm thi hành văn bản phải được xác định rõ; Việc ban hành văn bản phải đảm bảo tính khả thi.

Trên cơ sở đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn và các ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc đưa các đề nghị đó vào dự thảo đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Dự thảo đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh phải được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và của Chính phủ trong thời gian ít nhất 20 ngày để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập đề nghị xây dựng nghị định thuộc ngành, lĩnh vực do mình phụ trách gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp để tổng hợp trình Chính phủ. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm đăng tải dự kiến chương trình xây dựng nghị định trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ trong thời gian ít nhất 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp chính lý, hoàn thiện dự kiến chương trình xây dựng nghị định để trình Chính phủ.

Đối với việc soạn thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì soạn thảo dự thảo

quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và gửi dự thảo đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lấy ý kiến về nội dung của dự thảo.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khi chuẩn bị đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định có trách nhiệm đánh giá tác động sơ bộ của văn bản. Báo cáo đánh giá tác động phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết, mục tiêu của chính sách dự kiến và các phương án giải quyết vấn đề đó; lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết vấn đề trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, môi trường, hệ thống pháp luật, tác động đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, khả năng tuân thủ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các tác động khác. Đánh giá tác động sơ bộ của văn bản là phương án tối ưu, theo cách tiết kiệm nhất để đạt được mục tiêu quản lý.

Đối với văn bản có thể làm phát sinh chi phí trên 15 tỷ đồng hàng năm trở lên cho nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân;

tác động tiêu cực đáng kể đến các nhóm đối tượng trong xã hội; tác động tới số lượng lớn doanh nghiệp; làm tăng đáng kể giá tiêu dùng hoặc văn bản được công chúng quan tâm và có ảnh hưởng đến lợi ích chung thì phải xây dựng báo cáo đánh giá tác động đầy đủ trên cơ sở phân tích định tính và định lượng các tác động. Dự thảo báo cáo này phải được đăng kèm theo các dữ liệu, cách tính chi phí, lợi ích và dự thảo văn bản trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ ít nhất 30 ngày để tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Sau 3 năm kể từ ngày luật, pháp lệnh, nghị định có hiệu lực pháp luật, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá tác động của văn bản trong thực tiễn, đối chiếu với kết quả đánh giá trong giai đoạn soạn thảo để xác định tính hợp lý, tính khả thi của các quy định, phân tích các chi phí, lợi ích thực tế, mức độ tuân thủ văn bản của các nhóm đối tượng thi hành văn bản. Trên cơ sở đó, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền ban hành các giải pháp nâng cao hiệu quả của văn bản hoặc hoàn thiện văn bản.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Quyết định số 34/2009/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020**

Ngày 2/3/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/2009/QĐ - TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020.

Theo Quyết định này, Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ phần thuộc lãnh thổ Việt Nam gồm hai tỉnh, thành phố có tuyến vành đai kinh tế đi qua là Quảng Ninh và Hải Phòng, có diện tích tự nhiên 7.418,8 km<sup>2</sup>, dân số gần 2,9 triệu người, chiếm 2,24% diện tích tự nhiên và 3,44% dân số cả nước.

Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ được định hướng phát triển trở thành khu vực kinh tế năng động, có sức thúc đẩy cả vùng Bắc Bộ và trở thành động lực trong hợp tác phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật với Trung Quốc và các nước ASEAN, đồng thời kết nối với các khu vực ven biển khác trong cả nước tạo thành một vành đai kinh tế ven biển phát triển nhanh, thúc đẩy và gắn kết với các vùng khác trong nội địa cùng phát triển. Mục tiêu phát triển chủ yếu của khu vực này bao gồm:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trong vành đai kinh tế, đặc biệt là tuyến trục chính ven biển từ Móng Cái đến Đồ Sơn và các cảng biển, sân bay... để nối kết với hai hành lang kinh tế Việt - Trung và khu vực ven biển Nam Trung Quốc thuộc vành đai kinh tế, tạo điều kiện mở rộng giao thương và hợp tác phát triển với Trung Quốc và ASEAN một cách chủ động, hiệu quả;

- Tập trung phát triển vùng động lực và các đô thị trung tâm dọc vành đai kinh tế, tạo sự bứt phá thúc đẩy toàn vành đai kinh tế phát triển nhanh, bền vững, tương xứng với vùng ven biển Nam Trung Quốc;

- Hình thành và phát triển một số ngành kinh tế chủ lực, gồm: du lịch biển, đảo cao cấp, đóng tàu, nhiệt điện, khai khoáng, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, hóa dầu, nuôi trồng và chế biến thủy sản... đạt trình độ tiên tiến trong khu vực;

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế gấp 1,4 - 1,5 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP cả nước. Đến năm 2020, Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đóng góp khoảng từ 6,5 - 7,0% trong tổng GDP cả nước; GDP bình quân đầu người đạt 3.500 - 4.000 USD.

Phương hướng tổ chức vành đai kinh tế bao gồm: Xây dựng hoàn chỉnh trục giao thông nòng cốt, như xây dựng hoàn chỉnh và hiện đại hoá trục giao thông ven biển Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng - Ninh Bình, xây dựng một số tuyến đường cao tốc quan trọng Hà Nội - Hải Phòng, Nội Bài - Hạ Long; Phát triển vùng động lực: tập trung phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng, liên kết với các đô thị lớn tạo thành một dải vùng động lực, các khu vực trọng điểm mang tính đột phá dọc vành đai kinh tế (Khu kinh tế Vân Đồn - Quảng Ninh; Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải - Hải Phòng; Khu công nghiệp Hải Hà - Quảng Ninh; Khu công nghiệp - dịch vụ Đầm Nhà Mạc - Quảng Ninh; phát triển thành phố Hải Phòng; thành phố Hạ Long; thành phố cửa khẩu quốc tế Móng Cái).

Các ngành, lĩnh vực được định hướng phát triển như sau:

- Phát triển các ngành chủ đạo trong vành đai kinh tế bao gồm công nghiệp (than, điện; đóng tàu; sản xuất thép; vật liệu xây dựng; cơ khí, chế tạo; các ngành công nghiệp khác; phát triển các khu công nghiệp); du lịch; thương mại - dịch vụ

- Phát triển ngành thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, hướng mạnh xuất khẩu. Chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất thủy sản theo hướng giảm tỷ trọng khai thác, tăng tỷ trọng nuôi trồng và dịch vụ; gắn sản xuất với chế biến và bảo vệ nguồn lợi, bảo đảm phát triển bền vững. Đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ; Phát triển các đội tàu lớn, trang bị hiện đại gắn với đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ nghề cá phục vụ đánh bắt xa bờ; Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình liên kết, liên doanh, trước mắt phát triển mô hình các tổ đội khai thác xa bờ theo từng ngành, nghề để hỗ trợ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo đảm an toàn trên biển; Sắp xếp hợp lý nghề khai thác gần bờ nhằm bảo vệ phát triển nguồn lợi, đồng thời bảo đảm mưu sinh cho dân cư ven biển; Chuyển đổi cơ cấu sản xuất ở khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long và ven các đảo, giảm đánh bắt gần bờ chuyển sang nuôi trồng thủy sản và dịch vụ du lịch... Phát triển đồng bộ các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền và các trung tâm tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ... dọc ven biển và trên các đảo quan trọng như Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Cô Tô... để thúc đẩy khai thác xa bờ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển nông nghiệp trong vành đai kinh tế theo hướng nông nghiệp sinh thái, hiệu quả và bền vững. Phát triển ổn định sản xuất lương thực. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng khu vực, phát triển mô hình nông nghiệp đô thị phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ. Phát triển mạnh sản xuất rau sạch, rau an toàn, rau cao cấp; mở

rộng diện tích trồng hoa và cây cảnh... ở các khu vực ven đô. Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Ưu tiên phát triển các mô hình trang trại, Khu nông nghiệp công nghệ cao, coi đây là khâu đột phá quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của vành đai kinh tế trong thời gian tới. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp lên hơn 40% vào năm 2010 và 55 - 60% vào năm 2020. Ưu tiên phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, công nghiệp gắn với chế biến.

- Phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Xây dựng đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và thu hút đầu tư bên ngoài như đường bộ; đường sắt; cảng biển hàng không

+ Cấp điện: Xây dựng đồng bộ mạng lưới điện bảo đảm cấp điện ổn định với chất lượng cao trong toàn vành đai kinh tế, nhất là cho các đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu du lịch, dịch vụ lớn. Từ nay đến năm 2020 nâng cấp cải tạo mạng lưới điện hiện có; xây dựng mới các tuyến đường dây tải điện quan trọng đồng bộ với các trạm biến áp.

+ Cấp, thoát nước: Nâng cấp, mở rộng các nhà máy nước hiện có ở Hải Phòng, Đồ Sơn, Hạ Long, Cẩm Phả, Đông Triều, Móng Cái... Xây dựng hoàn chỉnh các công trình cấp nước cho các đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ lớn. Chú trọng xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường cho các vùng nông thôn. Đến năm 2010 có trên 80% dân số nông thôn trong vành đai kinh tế được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đạt 100% trước năm 2020. Xây dựng đồng bộ các hệ thống thoát nước hiện đại (theo hướng thoát nước mưa riêng, thoát nước thải sinh hoạt riêng) và các khu xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu du lịch... trên địa bàn.

+ Thông tin và truyền thông: Phát triển hạ

tầng thông tin - truyền thông với công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nâng cấp mở rộng vùng phủ sóng phát thanh, truyền hình đến tất cả các thôn, xã biên giới và hải đảo. Mở rộng vùng phủ sóng di động trong toàn vành đai kinh tế, kể cả vùng biển và các đảo quan trọng. Ưu tiên xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống thông tin duyên hải và thông tin trên biển, bảo đảm thông tin liên lạc thường xuyên với chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phục vụ công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển...

- Phát triển khoa học - công nghệ theo hướng hiện đại, tạo động lực cho tăng trưởng nhanh và bền vững. áp dụng mạnh mẽ các kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào sản xuất, nhất là trong các lĩnh vực quan trọng như điện khí hóa, tin học hóa, cơ giới hóa, hóa học hóa, công nghệ sinh học, vật liệu mới... để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hỗ trợ tích cực quá trình chuyển giao công nghệ thông tin phục vụ sản xuất và đời sống. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp và địa phương xây dựng thương hiệu của những sản phẩm thế mạnh, đặc trưng của Vùng. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học ở Trung ương, các trường đại học và với nước ngoài trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

- Phát triển các lĩnh vực giáo dục đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao; Các lĩnh vực xã hội khác.

- Bảo vệ nghiêm ngặt môi trường sinh thái Vịnh Hạ Long. Có biện pháp nghiêm ngặt để giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường do khai thác, chế biến than; sản xuất công nghiệp, hoạt động du lịch, khai thác cảng và vận tải biển... Kiểm soát chặt chẽ việc đổ các chất thải rắn và nước thải có ô nhiễm vào Vịnh. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác hải sản trong vùng, đặc biệt là ở vùng triều, các khu vực ven bờ và quanh các đảo. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống



thoát nước thải, hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn; hệ thống xử lý khói, bụi, tiếng ồn... Quy hoạch các khu chôn lấp rác thải tập trung cho từng khu vực theo đúng quy định của Bộ Xây dựng. Đến năm 2010 mỗi thành phố, thị xã trong vành đai kinh tế đều có ít nhất 01 cơ sở chế biến rác; 100% chất thải rắn, chất thải nguy hại ở các đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý. Quản lý chặt chẽ việc xả thải của các tàu vận tải hoạt động trên biển, nhất là trong Vịnh Hạ Long và khu vực gần Vịnh Hạ Long.

- Tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh trên vành đai kinh tế gắn với chiến lược phòng thủ của Vùng Đông Bắc và cả nước, nhằm giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở các vùng biên giới, vùng biển và hải đảo, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế. Xây dựng đồng bộ và hiện đại hóa các lực lượng quản lý biên giới, quản lý và bảo vệ biển, đảo. Quy hoạch cụ thể những khu vực biển, đảo dành riêng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; xây dựng thí điểm khu kinh tế - quốc phòng tại một số đảo quan trọng trong khu vực theo tinh thần Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

- Tiếp tục đưa dân ra định cư trên các đảo Bạch Long Vĩ, đảo Trần, Mã Châu, Hạ Mai, Thanh Lân, Cô Tô... để làm ăn lâu dài, vừa phát triển kinh tế, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ vùng biển, đảo Đông Bắc của Tổ quốc.

Lộ trình thực hiện quy hoạch được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2009 - 2010: hình thành cho được một số lãnh thổ động lực; xây dựng một bước cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng trong vành đai kinh tế; xúc tiến thu hút các dự án đầu tư trong và ngoài nước vào các công trình trọng điểm, vùng động lực... tạo điều kiện để phát triển nhanh trong giai đoạn sau.

- Giai đoạn 2011 - 2020: tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trong vành đai kinh tế. Xây dựng xong những hạng mục quan trọng tại các khu kinh tế, khu công nghiệp. Xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động Đặc khu kinh tế song phương Móng Cái, các cảng Lạch Huyện, Hải Hà, Vạn Gia..., sân bay Vân Đồn, các khu du lịch, các trung tâm vui chơi giải trí cao cấp và các công trình dịch vụ khác... để phát triển tăng tốc trong giai đoạn sau năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## **Chỉ thị số 01/CT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động trong ngành Xây dựng**

Ngày 18/03/2009, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-BXD về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động trong ngành Xây dựng.

Chỉ thị đã nêu rõ, qua các báo cáo công tác an toàn an toàn - vệ sinh lao động năm 2008

của các đơn vị trong Ngành gửi về Bộ và các đợt kiểm tra do Bộ Xây dựng phối hợp với Công đoàn XĐVN thực hiện cho thấy công tác an toàn - vệ sinh lao động trong Ngành vẫn còn nhiều bất cập. Ở một số địa phương vẫn còn để xảy ra các vụ tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động nghiêm trọng và tai nạn lao động

chết người. Nguyên nhân là do các đơn vị chưa thực hiện đầy đủ pháp luật về bảo hộ lao động cũng như các văn bản chỉ đạo của Bộ Xây dựng; thiếu sự quan tâm chỉ đạo, kiểm tra sát sao về an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Công tác huấn luyện, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn về pháp luật bảo hộ lao động và những biện pháp cụ thể cho người lao động chưa được tiến hành thường xuyên; bộ máy làm công tác bảo hộ lao động chưa được coi trọng; chế độ thống kê báo cáo chưa nghiêm túc; sử dụng lao động thời vụ không ký hợp đồng lao động, không qua đào tạo vẫn còn khá phổ biến. Nhận thức và ý thức chấp hành nội quy an toàn - vệ sinh lao động của người lao động còn nhiều yếu kém, chưa thực hiện đầy đủ các quy trình, quy phạm về công tác an toàn lao động. Tình trạng chạy theo tiến độ hoặc khoán trắng công việc còn xảy ra ở nhiều nơi, cho nên còn tái diễn các vụ tai nạn do ngã cao; do vật liệu rơi, đè, đổ; tai nạn khi làm việc ở những vị trí trên cao hoặc những nơi làm việc nguy hiểm nhưng thiếu cảnh giới đặc biệt trong thi công nhà cao tầng, khai thác vật liệu xây dựng (khai thác đá). Môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp trong Ngành chưa khắc phục được nhiều. Bên cạnh đó, lực lượng làm công tác quản lý nhà nước về an toàn - vệ sinh lao động ở các cấp, ngành nhất là thanh tra lao động còn mỏng, trong khi số lượng các doanh nghiệp và đơn vị cơ sở, ngày càng tăng, chức năng nhiệm vụ ngày càng phức tạp; công tác thanh tra, kiểm tra chưa đều khắp ở các doanh nghiệp, cơ sở, xử lý vi phạm về an toàn - vệ sinh lao động còn chưa có chế tài cụ thể.

Để chấn chỉnh tình hình đó, Bộ trưởng Bộ Xây dựng chỉ thị Thủ trưởng các đơn vị trong Ngành phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp tập trung thực hiện một số việc cụ thể như sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật cũng như các quy trình,

quy phạm đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình làm việc đối với người lao động.

2. Củng cố và kiện toàn bộ phận chuyên trách về an toàn - vệ sinh lao động, y tế của các Tcty, Công ty; phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể cho cán bộ chuyên trách làm công tác an toàn - vệ sinh lao động, y tế tại cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT- LĐLĐVN ngày 31/10/1998 về Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

3. Việc tuyển chọn lao động phải thông qua tổ chức khám sức khỏe theo đúng quy định. Đối với người làm công việc ở trên cao hoặc làm việc nặng nhọc, độc hại; đơn vị phải bố trí người có thể lực và sức khỏe phù hợp, định kỳ cứ 06 tháng phải tổ chức khám lại và phân loại sức khỏe để tiếp tục sử dụng cho thích hợp. Tuyệt đối không được sử dụng người có thể lực và sức khỏe không phù hợp, lao động không qua đào tạo nghề vào làm việc ở những vị trí nguy hiểm (kiểm tra nghiêm ngặt quy trình lắp, dựng giàn giáo thi công, làm việc trên cao, nơi nguy hiểm tại các công trình xây dựng nhà cao tầng, hầm sâu, giếng chìm, khai thác vật liệu xây dựng tại các mỏ...). Người lao động bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp đều phải đi giám định sức khỏe nghề nghiệp tại Hội đồng giám định y khoa 6 tháng một lần; khuyến khích các đơn vị tổ chức đưa bệnh nhân hoặc người lao động đi điều trị, điều dưỡng - phục hồi chức năng tại các cơ sở y tế, điều dưỡng - phục hồi chức năng của Bộ Xây dựng.

4. Phải ký kết trực tiếp hợp đồng lao động với người lao động theo mẫu hợp đồng đã quy định; trong hợp đồng phải ghi đầy đủ, rõ ràng các nội dung, trong đó có nội dung về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm nâng cao trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động trong việc đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

5. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cá nhân cho người lao động đảm bảo chất lượng, phù hợp với công việc của từng người, đồng thời bắt buộc người lao động phải sử dụng trong khi làm việc. Nơi làm việc của người lao động phải đảm bảo đủ ánh sáng, gọn gàng, thông thoáng, vệ sinh sạch sẽ.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy trình, quy phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng. Phải có biện pháp đảm bảo an toàn lao động chi tiết đối với từng loại công việc, đồng thời phải tổ chức huấn luyện cho người lao động về các biện pháp đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động trước khi giao việc. Nội dung huấn luyện cho người lao động bao gồm: nội quy, quy trình, quy phạm an toàn lao động với các hình thức: huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại, huấn luyện khi được tuyển dụng, trước khi giao việc, khi chuyển từ công việc này sang công việc khác. Sau khi huấn luyện phải tiến hành kiểm tra, sát hạch; chỉ những người đạt yêu cầu mới được bố trí công việc và cấp thẻ.

Phải có đầy đủ sổ theo dõi công tác huấn luyện an toàn lao động, sổ giao việc, nhật ký công tác an toàn lao động, sổ theo dõi trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, sổ giao ca... và phải được ghi chép chặt chẽ, hàng ngày tại công trình đang thi công (do đội hoặc ban chỉ huy công trình trực tiếp quản lý).

7. Đối với các công trình có nhiều nhà thầu phụ cùng thi công phải thành lập Ban chỉ huy thống nhất và xây dựng quy chế phối hợp trong công tác an toàn - vệ sinh lao động; đồng thời thực hiện chế độ tự kiểm tra, báo cáo tình hình đảm bảo an toàn lao động tại công trình hàng ngày cho Ban chỉ huy thống nhất.

8. Tất cả các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng, đồng thời phải xây dựng nội quy vận hành an toàn niêm yết tại vị trí máy, thiết bị.

Tăng cường sử dụng các biển báo chỉ dẫn và lan can rào chắn, ban đêm phải có điện

chiếu sáng trên công trường tại những vị trí nguy hiểm như: xung quanh khu vực đang thi công ở trên cao, khu vực cần trục đang hoạt động, hầm, hào, hố, kho bãi chứa vật liệu có yếu tố độc hại, vật liệu dễ cháy, nổ, các lỗ trống trên sàn, chu vi mép sàn, mái; phạm vi an toàn khi nổ mìn, cạy bẫy đá, xúc đá tại các mỏ đá. Khi thi công những công trình cao tầng phải có lưới bảo vệ xung quanh công trình.

9. Tăng cường các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động do điện giật: làm hệ thống lan can, lưới bao che, trang bị dây an toàn, kiểm tra thường xuyên các mối nối dây điện, nối tiếp địa đối với các máy công cụ. Một số loại máy công cụ cầm tay, máy xây dựng loại nhỏ như: máy khoan cầm tay, máy bào, máy cưa cắt, đục bê tông, máy đầm, dùi bê tông, máy bơm nước...trước khi sử dụng phải kiểm tra điện để phòng dò điện.

10. Duy trì và tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất và chuyên đề nhằm phát hiện những vi phạm an toàn - vệ sinh lao động để có biện pháp khắc phục và xử lý kịp thời. Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn thực hiện các đợt kiểm tra về phong trào "Xanh, sạch, đẹp và an toàn - vệ sinh lao động".

Thủ trưởng đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cùng cấp tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra đánh giá tại cơ sở, có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân thực hiện tốt, xử phạt những trường hợp vi phạm trong công tác bảo hộ lao động. Kiên quyết đình chỉ, xử lý nghiêm những cán bộ quản lý và người lao động không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ theo trình tự quy trình, biện pháp an toàn đã được duyệt. Mỗi vụ tai nạn xảy ra cần làm rõ trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong thời gian ngắn nhất.

11. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về chế độ báo cáo, thống kê tình hình tai nạn lao động và công tác y tế của đơn vị theo quy định. Vào cuối mỗi quý các đơn vị trực thuộc Bộ phải

tập hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ của đơn vị theo mẫu quy định (báo cáo trước ngày 05 tháng sau). Riêng các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động chết người, đơn vị phải báo cáo kịp thời về Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam không cần chờ kết luận của cơ quan điều tra.

Cũng tại Chỉ thị này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng giao Vụ Quản lý Hoạt động Xây dựng phối hợp với Ban Chính sách - Kinh tế Xã hội Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị của Bộ Xây dựng về công tác an toàn - vệ sinh lao động, công tác y tế, phòng chống cháy nổ tại các đơn vị; tổ chức các lớp tập huấn về Bảo hộ lao động đối với cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách an toàn lao

động. Các Sở thuộc Ngành Xây dựng căn cứ nội dung Chỉ thị này để chỉ đạo việc tổ chức thực hiện tại địa phương.

Báo Xây dựng, các tạp chí của Bộ Xây dựng và nội san của các đơn vị có chuyên mục riêng thường xuyên đưa tin, tuyên truyền, hướng dẫn để mọi người nhận thức đúng về công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Công tác tuyên truyền phải tiến hành thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức làm cho mọi cán bộ công nhân viên và người lao động nhận thức được tầm quan trọng của công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho bản thân, đơn vị và cộng đồng.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 20/2009/QĐ - UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 27/02/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 20/2009/QĐ - UBND ban hành Quy định về thực hiện các dự án đầu tư trong nước thuộc Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Quy định này áp dụng cho các đối tượng là doanh nghiệp trong nước thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã của thành phố; các tổ chức, cá nhân trong nước có hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố;

Quy định này không áp dụng với các đối

tượng đã được hưởng ưu đãi theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND và Quyết định 15/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố.

Phạm vi dự án đầu tư thực hiện Chương trình kích cầu trên địa bàn thành phố là các dự án đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo phù hợp với chủ trương đầu tư và quy hoạch được duyệt, trong đó ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng mới, đầu tư mở rộng quy mô; đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thiết bị; Các dự án khác do UBND thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

*Những dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ toàn bộ lãi vay bao gồm:*

- Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật cao chuyên sâu:

+ Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa từ 100 giường bệnh trở lên;

+ Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học;

+ Trường trung cấp và cao đẳng nghề (từ bậc 3/7 trở lên);

+ Công trình văn hóa, nhà hát, rạp chiếu phim (quy mô trên 1.000 chỗ ngồi);

+ Cơ sở thể dục thể thao nhằm mục tiêu đào tạo, huấn luyện các vận động viên thành tích cao cấp quốc gia và quốc tế (không kể các dự án đầu tư xây dựng sân golf).

- Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất các loại cây giống, con giống; sản xuất ra các loại hóa dược, thuốc kháng sinh, vắc xin; sản xuất trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu thí nghiệm.

- Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm điện tử, robot công nghiệp, thiết bị thông tin, viễn thông và các loại hệ thống thiết bị tự động hóa; sản xuất chất bán dẫn; chip bán dẫn, tấm panel pin mặt trời; sản xuất vi mạch, nghiên cứu phát triển phần cứng và phần mềm được tiêu thụ trong nước.

- Dự án đầu tư sản xuất các loại máy móc, thiết bị thể hệ mới hoặc sử dụng công nghệ mới được điện tử hóa, tự động hóa, điều khiển theo các chương trình máy tính được tiêu thụ trong nước.

- Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học; xây dựng nhà ở cho công nhân làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, cơ sở xử lý chất thải của các bệnh viện, các khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp; dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung; dự án trồng rừng nhằm cải thiện môi trường sinh thái.

*Những dự án được ngân sách thành phố hỗ trợ 50% lãi vay:*

- Dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí chính xác, máy móc thiết bị kiểm tra an toàn trong quá trình sản xuất công nghiệp.

- Dự án đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cho các ngành sản xuất vật liệu composit, vật liệu mới có chất lượng cao; sản xuất sản phẩm in phức hợp, bao bì màng đa lớp, in vải kỹ thuật số; cơ khí làm khuôn mẫu phục vụ sản xuất công - nông nghiệp.

- Dự án đầu tư phát triển các sản phẩm như: điện gia dụng, dây cáp điện, dây điện tử, đèn compact, máy biến áp, ống thép không rỉ, cốp-pha nhựa, lốp ô tô được tiêu thụ trong nước.

- Dự án đầu tư sản xuất các loại động cơ như: diezen, xăng loại nhỏ, máy kéo phục vụ công - nông nghiệp.

- Dự án đầu tư sản xuất và nội địa hóa lắp ráp ô tô; sản xuất các phương tiện vận tải như ô tô từ 12 đến 60 chỗ, ô tô tải nhẹ, ô tô chuyên dùng.

- Dự án chế biến lương thực, thực phẩm có giá trị gia tăng cao.

Thời gian hỗ trợ lãi vay đối với các dự án không quá 7 năm, số vốn vay được ngân sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tối đa 100 tỷ đồng cho 1 dự án. Đối với các dự án có mức vốn hỗ trợ lãi vay trên 100 tỷ đồng hoặc thời gian hỗ trợ lãi vay trên 7 năm, UBND thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Mức lãi suất hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm phí quản lý từ 1% đến 2%/năm.

Tổng mức vốn đầu tư của các dự án được hỗ trợ lãi vay thông qua chương trình này là không quá 5.000 tỷ đồng. Ngân sách thành phố không thanh toán phần lãi phát sinh do Chủ đầu tư không hoàn trả vốn gốc đúng thời hạn quy định trong dự án được duyệt.

Trường hợp quá 6 tháng đối với các dự án chỉ đầu tư thiết bị và 12 tháng đối với các dự án

bao gồm cả xây lắp kể từ ngày Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch của UBND thành phố có hiệu lực thi hành mà Chủ đầu tư chưa ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng (hoặc tổ chức tín dụng) hoặc chưa triển khai dự án đầu tư thì được xem như không có nhu cầu được hỗ trợ lãi vay và đưa ra khỏi Chương trình. Trường hợp chưa ký được hợp đồng vay vốn hoặc chưa triển khai dự án vì lý do khách quan, Chủ đầu tư phải báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan để phối hợp, đề xuất

UBND thành phố xem xét, giải quyết kịp thời.

Chủ đầu tư sử dụng phần vốn vay được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay không đúng mục tiêu đầu tư đã được UBND thành phố phê duyệt thì không được tiếp tục tham gia Chương trình kích cầu của thành phố trong vòng 03 năm, đồng thời phải hoàn trả ngân sách thành phố phần kinh phí đã được hỗ trợ tính đến thời điểm vi phạm.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## **Chỉ thị số 01/2009/CT- UBND của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản theo đúng quy định pháp luật và thực hiện Chỉ thị số 26/2008/CT-TTg ngày 01/9/2008, Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 12/3/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Chỉ thị số 01/2009/CT- UBND về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Tại Chỉ thị này, UBND tỉnh yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị tổ chức rà soát công tác thẩm định việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của tỉnh; Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định trong giấy phép của các đơn vị hoạt động khoáng sản; Phối hợp các ngành tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao sự hiểu biết về chính sách, pháp luật khoáng sản cho các đơn vị hoạt động khoáng sản và nhân dân trong vùng có tài nguyên khoáng sản; nâng cao ý thức bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy trình, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản; Rà soát và đề xuất với UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thuộc phạm vi quản lý, trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh thông qua.

Sở Xây dựng lập quy hoạch khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh thông qua .

Sở Giao thông- Vận tải quản lý hoạt động nạo vét bến cảng, khai thông luồng lạch và chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, chính quyền địa phương và thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra các phương tiện giao thông đường thủy hoạt động trên sông để có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy và hoạt động khoáng sản đối với các chủ phương tiện.

UBND các huyện, thị xã phải tăng cường công tác quản lý đối với các hoạt động khoáng sản trên địa bàn; Tổ chức kiểm tra và xử lý vi

phạm theo thẩm quyền đối với các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không có giấy phép hoặc ngoài diện tích được cấp phép; Tăng cường công tác quản lý môi trường trong hoạt động khoáng sản; làm tốt công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội và an toàn lao động trong

hoạt động khoáng sản; Thường xuyên kiểm tra và có các biện pháp ngăn chặn các hoạt động khai thác trái phép cát, sỏi trên lòng sông.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Cần Thơ về lệ phí Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở**

Ngày 09/1/2009, UBND thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND về lệ phí Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng.

Phạm vi điều chỉnh của Quyết định này bao gồm tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nhà ở, chủ sở hữu công trình xây dựng hoặc người đại diện theo uỷ quyền có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng.

Theo Quyết định này, lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở lần đầu đối với nhà ở và trường hợp nhận chuyển nhượng một phần của nhà ở đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà được thu theo diện tích sàn xây dựng. Cụ thể, đối với cá nhân, mức thu là 60.000 đồng/giấy đối với diện tích sàn xây dựng dưới 100m<sup>2</sup>, 80.000 đồng/giấy đối với diện tích từ 100m<sup>2</sup> đến dưới 200m<sup>2</sup> và 100.000 đồng/giấy đối với diện tích từ 200m<sup>2</sup> trở lên. Đối với nhà ở của tổ chức, mức thu là 300.000đ/giấy đối với diện tích dưới 500m<sup>2</sup>, 400.000đ/giấy đối với diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>, 500.000 đ/giấy đối với diện tích từ 1000m<sup>2</sup> trở lên.

Lệ phí cấp đổi, cấp lại, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và các trường hợp khác khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở là 50.000 đ/giấy.

Mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng lần đầu cho tổ chức, cá nhân tính theo diện tích sàn xây dựng. Diện tích dưới 500m<sup>2</sup> là 300.000đ/giấy, từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1000m<sup>2</sup> là 400.000đ/giấy, từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên là 500.000 đồng/giấy.

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu được trích 70% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải cho việc thực hiện thu lệ phí. Số còn lại 30% cơ quan thu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Cơ quan thu lệ phí phải sử dụng sổ tiến được trích dùng mục đích, có chứng từ hợp pháp và thực hiện quyết toán theo quy định. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.cantho.gov.vn](http://www.cantho.gov.vn))

**Nghiệm thu đề tài:**

## **Tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây"**

Ngày 26/02/2009, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài biên soạn tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" do TS. Nguyễn Cao Dương - Viện KHCN Xây dựng chủ trì thực hiện.

Trong bối cảnh hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, việc xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng tương đồng với các tiêu chuẩn tiên tiến của thế giới là rất cần thiết. Tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" nằm trong chương trình chung của Bộ Xây dựng về xây dựng tiêu chuẩn theo hướng đồng bộ hoá và hiện đại hoá các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu xây dựng của Việt Nam theo hệ thống tiêu chuẩn châu Âu (EuroCode), trong đó có tiêu chuẩn "Thiết kế kết cấu gạch đá".

Tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" là một phần không thể tách rời của tiêu chuẩn "Thiết kế kết cấu gạch đá". Tiêu chuẩn này đưa ra các phương pháp xác định các đặc trưng cơ học của khối xây để phục vụ yêu cầu thiết kế cũng như đảm bảo chất lượng cho kết cấu gạch đá trong quá trình xây dựng.

Trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam hiện nay chưa có Tiêu chuẩn thử khối xây. Việc xác định cường độ khối xây trong công tác thiết kế được thực hiện thông qua các bảng tra cường độ viên xây và vữa xây. Như vậy công tác nghiệm thu khối xây cũng mới dừng lại ở việc thí nghiệm viên xây và vữa xây chứ không đánh giá được trực tiếp cường độ khối xây đã thi công, một loại vật liệu còn chịu ảnh hưởng rất lớn của tay nghề công nhân cũng như môi trường ngoài các yếu tố về chất lượng vật liệu viên xây và vữa.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện KHCN xây dựng thực hiện đề tài

biên soạn tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" theo phương thức chuyển dịch từ tiêu chuẩn BS EN 1052 - 1; 2; 3; 4; 5... "Methods of test for masonry - Các phương pháp thử khối xây".

Dự thảo tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" được chuyển dịch từ tiêu chuẩn BS EN 1052 từ phần 1 đến phần 5 gồm: Xác định cường độ chịu nén; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định cường độ chịu cắt ban đầu; Xác định cường độ chịu cắt khi có lớp vật liệu ngăn ẩm; Xác định cường độ dính kết bằng phương pháp xoay tách.

Mỗi phần trong dự thảo tiêu chuẩn này được thể hiện như một tiêu chuẩn riêng, quy định rõ về vật liệu, mẫu thử, quy trình thử và việc tính toán, đánh giá kết quả.

Để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống, phương pháp thực hiện của đề tài chuyển dịch bám sát nội dung và trình bày giống như tiêu chuẩn gốc.

Để áp dụng tiêu chuẩn châu Âu vào điều kiện Việt Nam, nhóm nghiên cứu đã cố gắng chuyển dịch tiêu chuẩn này cho tương thích với thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế nhằm giúp các nhà sản xuất, doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng nhanh chóng tiếp cận hệ thống Eurocode.

Sau khi hoàn chỉnh và ban hành tiêu chuẩn "Các phương pháp thử khối xây" sẽ giúp các nhà tư vấn, các nhà sản xuất và các nhà thi công có một tiêu chuẩn hướng dẫn hoàn chỉnh và thống nhất.

Kết quả của đề tài - Dự thảo tiêu chuẩn - đã được Hội đồng nghiệm thu và đánh giá xếp loại Xuất sắc.

**Minh Tâm**



## Hội thảo khoa học: Khai thác hiệu quả công viên - vườn hoa thành phố Hà Nội

Ngày 17/3/2009 tại Hà Nội, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (VUPDA) và Tổ chức Nhịp cầu sức khỏe Canada (HealthBridge) đã phối hợp tổ chức một Hội thảo khoa học với chủ đề Khai thác hiệu quả công viên – vườn hoa thành phố Hà Nội. Tham dự Hội thảo có đại diện của Văn phòng Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, các hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, trường Đại học kiến trúc Hà Nội, Đại học Xây dựng, Đại học Kinh tế quốc dân, các nhà khoa học, nghiên cứu lịch sử, các kỹ sư, kiến trúc sư, chuyên gia về quy hoạch và phát triển đô thị.

GS.TSKH Nguyễn Thế Bá - Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã có bài phát biểu khai mạc, nêu rõ quy hoạch xây dựng các không gian xanh, công viên -vườn hoa cho thủ đô Hà Nội là hết sức quan trọng, đặc biệt khi địa giới hành chính của thủ đô đã được mở rộng gấp nhiều lần. Hệ thống không gian xanh trong đô thị là một bộ phận chức năng rất quan trọng, tạo lập môi trường sống và cảnh quan cho đô thị, phục vụ chung cho cộng đồng. Vì thế, không gian xanh cần được bảo vệ, cải tạo và phát triển theo hướng văn minh, bền vững và hiệu quả.

Hội thảo đã tập trung thảo luận về 5 vấn đề chính là: khẳng định vai trò của không gian xanh, công viên - vườn hoa trong các đô thị nói chung và Hà Nội nói riêng; đánh giá thực trạng cây xanh của Hà Nội; định hướng phát triển cây xanh của Hà Nội mở rộng; bài học và kinh nghiệm quy hoạch không gian xanh của các nước trên thế giới và đề xuất các giải pháp quản lý cây xanh, công viên - vườn hoa của Hà Nội.

Trong bài tham luận tại Hội thảo, TS. KTS Đào Ngọc Nghiêm - Phó Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Hà Nội đã nêu lên thực trạng về công viên, cây xanh của Hà Nội, theo đó, trong 9 quận nội thành của Hà Nội hiện nay,



GS. TSKH Nguyễn Thế Bá - Chủ tịch VUPDA phát biểu khai mạc Hội thảo

chỉ tiêu diện tích công viên chỉ là 0,9m<sup>2</sup>/người so với mục tiêu đặt ra trong quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 1998 cho nội thành là 7m<sup>2</sup> cho thấy đây là một tồn tại lớn. Ngoài ra, các công viên trong nội thành còn thiếu, phân bố không đều, chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng đa dạng của cộng đồng và thiếu định hướng nâng cấp đồng bộ và chưa được quản lý chặt chẽ.

Nhiều năm qua, với sự nỗ lực của chính quyền các cấp và cộng đồng dân cư, thành phố Hà Nội đã tạo lập được một quỹ không gian xanh tương đối tốt nhưng còn khiêm tốn, một số công viên lớn được khai thác chưa đúng chức năng, công tác quản lý công viên còn bị buông lỏng và thiếu hiệu quả, một số dự án xây dựng vườn hoa, công viên chậm được triển khai...

Từ thực trạng về CVCX ở Hà Nội, Hội thảo nhất trí đề nghị lãnh đạo TP sớm lập qui hoạch tổng thể chuyên ngành về hệ thống không gian xanh toàn TP, trước hết là lập qui hoạch chi tiết các công viên đã hình thành, tôn trọng qui mô, ranh giới đã có; xác định rõ mục tiêu khai thác và kiên quyết xử lý các vi phạm về xây dựng, sử dụng công trình sai mục tiêu, lấn át không gian xanh công cộng.

Minh Tuấn

## Thủy tinh bọt và chương trình tiết kiệm năng lượng

Thủy tinh bọt được biết đến như là loại vật liệu cách nhiệt và cách âm từ giữa thế kỷ trước. Ngày nay loại vật liệu này ngày càng thu hút được sự quan tâm lớn, điều này liên quan tới việc giá cả nhiên liệu ngày mỗi tăng và vấn đề tiết kiệm năng lượng ngày mỗi gay gắt. Ở các nước Tây Âu và Bắc Mỹ chi phí năng lượng cho sử dụng nhiệt trong ngôi nhà ở thường là 120-140 kW.h/m<sup>2</sup>, ở Nga tới 500 – 600 kW.h/m<sup>2</sup>. Những số liệu này tương ứng tiêu tốn 18 kg nhiên liệu quy đổi cho 1m<sup>2</sup> ở các nước ở Tây Âu, Bắc Mỹ và tới 74 kg nhiên liệu quy đổi (kể cả cho đun nước nóng) cho 1m<sup>2</sup> ở Nga. Theo thống kê thì từ các số liệu trên cho thấy lượng nhiệt bị tổn thất trong một ngôi nhà như sau: có 40% bị mất qua các bức tường, 23% qua cửa sổ, 10% qua sàn, 18% qua mái và 14% qua thông gió. Theo tiêu chuẩn của Nga “Kỹ thuật nhiệt trong xây dựng” năng lượng tiêu thụ cho phép trong một ngôi nhà là 160 kW.h/m<sup>2</sup>. Hạ tầng kỹ thuật là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ về nhiên liệu và điện năng lớn nhất. Tiếp theo là các lĩnh vực giao thông, luyện kim, thủy tinh, xi măng, hóa chất v.v... Biện pháp quan trọng nhất giải quyết bài toán tiết kiệm nhiên liệu là cần phải bảo ôn thật tốt cho tòa nhà, từ đó sẽ giảm được chi phí nhiên liệu cho việc sưởi ấm trong nhà có khi tới 25%. Mặt khác sản phẩm đốt cháy nhiên liệu là thành phần gây ra ô nhiễm môi trường, do đó giảm tiêu tốn nhiên liệu cũng sẽ dẫn tới việc giảm được phát thải chất độc hại ra không khí.

Trong số các loại vật liệu bảo ôn thì loại vật liệu có hiệu quả nhất về tổng hợp các đặc tính kỹ thuật là thủy tinh bọt. Thủy tinh bọt có hệ số dẫn nhiệt thấp 0,03 - 0,05 W/m.K; độ bền cách nhiệt cao tới 1 Mpa: không hút ẩm và trơ với nước, axit, kiềm; không cháy; có nhiệt độ làm việc không giới hạn trong tòa nhà và các công trình. Khác với các loại vật liệu cách nhiệt hữu cơ hoặc dạng sợi, thủy tinh bọt là vật liệu cách nhiệt chống cháy và không giới hạn về thời gian

sử dụng. Ngoài việc để cách nhiệt các bức tường, mái nhà, sàn nhà của các công trình xây dựng, thủy tinh bọt sử dụng để cách nhiệt các thiết bị lạnh công nghiệp, tàu thủy và tàu chở dầu, làm móng trong trường hợp đóng băng vĩnh cửu, ở những nơi cần chống cháy đặc biệt trong nhà máy điện hạt nhân và còn để thu gom các sản phẩm dầu mỏ v.v...

Theo số liệu của Ủy ban xây dựng Liên bang Nga, năm 2007 tổng khối lượng vật liệu cách nhiệt sử dụng trong xây dựng ở Nga là 25 triệu m<sup>3</sup>, tới năm 2010 sẽ tăng lên tới 50 triệu m<sup>3</sup>. Trong khi đó tổng khối lượng các loại vật liệu cách nhiệt sản xuất ở Nga trong năm 2007 chỉ đạt 12 triệu m<sup>3</sup>. Về xây dựng, năm 2006 toàn nước Nga xây dựng được 54 triệu m<sup>2</sup> nhà ở, tới năm 2010 dự kiến kế hoạch xây dựng 90 triệu m<sup>2</sup> nhà ở. Do nhu cầu tiết kiệm năng lượng ngày càng gay gắt nên Ủy ban xây dựng Liên bang Nga đã khuyến cáo cần thiết phải tăng nhanh hơn nữa việc sử dụng vật liệu cách nhiệt, tuy nhiên do mức độ an toàn phòng cháy thì các loại vật liệu cách nhiệt như tấm bọt xốp, tấm dạng sợi nên hạn chế sản xuất và sử dụng. Trong bảng 1 giới thiệu các đặc tính kỹ thuật của các loại vật liệu cách nhiệt, trong đó đã chỉ rõ loại vật liệu cách nhiệt tấm bọt xốp đang được sử dụng với khối lượng khá lớn hiện nay, song khá nguy hiểm về khả năng chống cháy và mức độ độc hại. Các loại vật liệu cách nhiệt từ dạng khoáng có thời gian sử dụng hạn chế đã được thực nghiệm chứng minh. Độ dẫn nhiệt của các tấm bọt xốp thấp do có chứa các bọt khí với độ dẫn nhiệt thấp. Trong quá trình sử dụng một thời gian không dài (khoảng nửa năm) thì có sự khuyết tán các bọt khí này, các lỗ rỗng sẽ được lấp đầy không khí làm cho trở lực nhiệt của vật liệu giảm tới 25%; vật liệu tiếp tục thẩm thấu hơi nước làm cho nó bị ăn mòn dẫn tới bị phá hủy. Các loại vật liệu cách nhiệt dạng bông, sợi có chứa không nhỏ hơn 5% chất kết dính polyme, chúng không cháy song trong

**Bảng 1. Đặc tính kỹ thuật các loại vật liệu cách nhiệt**

Sản phẩm	Tỷ trọng, kg/m <sup>3</sup>	Độ bền nén, kPa	Độ dẫn nhiệt, W/m.K	Nhiệt độ sử dụng tới hạn, °C	Độ hút ẩm, mg/m.h. Pa	Khả năng cháy	Đánh giá độ độc hại	Độ bền sử dụng, năm
<b>1. Sản phẩm khoáng:</b>								
- Tấm từ bông khoáng và kết dính tổng hợp	200	40 - 120	0,066 - 0,060	100	0,380 - 0,600	Khó cháy	Độc hại khi cháy (7-8% chất kết dính)	7 - 10
- Tấm khoáng độ cứng cao	200	100	0,045	-	0,580	Khó cháy	Độc hại khi cháy (10% chất kết dính)	10 - 12
- Tấm từ bông thủy tinh	175 - 200	-	0,049	180	-	Khó cháy	Độc hại khi cháy (6% chất kết dính)	7 - 10
<b>2. Tấm bọt xốp</b>								
- Bọt pôlixirol	20 - 40	50 - 150	0,038	70	0,050	Cháy	Độc hại khi cháy	10 - 12
- Bọt poliurêtal	40 - 60	120 - 200	0,035	200	-	Cháy	Độc hại khi cháy	10 - 12
<b>3. Tấm từ keo rêu</b>	50 - 100	50 - 200	0,040-0,046	130	-	Cháy	Độc hại khi cháy	10 - 12
<b>4. Bê tông bọt</b>	350	700 - 800	0,090 - 0,100	350	0,230	Không cháy	Sạch	10
<b>5. Thủy tinh bọt</b>								
- Bloc	120 - 200	700	0,050 - 0,080	450	0,001 - 0,004	Không cháy	Sạch	Không giới hạn
- Sỏi	80 - 100	500 - 1.000	0,030 - 0,050	450	-	Không cháy	Sạch	không giới hạn
<b>6. Kerazit hạt</b>	250 - 350	500 - 1.500	0,210 - 0,230	450	0,21	Không cháy	Sạch	Vĩnh cửu

đám cháy thì chúng bị biến mềm và phát thải ra các chất khí độc hại. Các loại vật liệu cách

nhiệt này thường bị ăn mòn cả chất kết dính lẫn các loại sợi. Mức độ hút nước cao của các loại

vật liệu cách nhiệt như bê tông bọt là nhược điểm lớn nhất của chúng, làm cho trở kháng nhiệt bị giảm và tính cách nhiệt khó bảo đảm. Vật liệu cách nhiệt keramzit có độ dẫn nhiệt cao hơn tới 5 - 7 lần so với thủy tinh bọt. Như vậy về một loạt các đặc tính kỹ thuật như đã nêu trên cho thấy sử dụng thủy tinh bọt làm vật liệu cách nhiệt chiếm ưu thế hơn cả. Ngoài ra thủy tinh bọt còn có những ưu điểm như sau:

- Có khả năng sử dụng trong các cấu kiện khác nhau như các bức tường, mái và ở những nơi đóng băng vĩnh cửu sử dụng thủy tinh bọt như là lớp móng lót dưới các toà nhà.
- Có khả năng cách âm.
- Bọc cách nhiệt các hệ thống ống dẫn, có khả năng sử dụng như là loại vật liệu xây dựng trong các công trình phụ không chịu lực, nhà tạm.
- Sử dụng để thu hồi các sản phẩm dầu mỏ trên mặt đất và hồ nước.
- Sử dụng trong các nhà máy hạt nhân, nơi cần an toàn chống cháy cao.
- Dễ dàng sử dụng thao tác trong quá trình thi công.

Phối liệu ban đầu của thủy tinh bọt là hỗn hợp bột thủy tinh với các chất tạo bọt và có sự

tham gia của các bọt không khí nằm giữa chúng. Có 3 dạng thủy tinh bọt đang được sản xuất và sử dụng: khối thủy tinh bọt, sợi thủy tinh bọt và hạt nghiền thủy tinh bọt.

Khối thủy tinh bọt thu nhận được bằng cách làm nở bọt phối liệu hoặc hồ phối liệu trong khuôn chuyên dụng, sau đó gia nhiệt và cắt bán thành phẩm để có được các sản phẩm theo kích thước yêu cầu. Có thể sản xuất khối thủy tinh bọt trên một băng chuyền liên tục. Trong trường hợp này thì rót phối liệu lên trên băng, sau khi cho nở phồng và gia nhiệt thì tiến hành cắt thành các khối thủy tinh bọt. Kích thước tối đa cho khối thủy tinh bọt là 0,5 x 0,4 x 0,15 (m).

Dạng sợi thủy tinh bọt thu được sau khi nghiền các phế phẩm, phế liệu khi sản xuất khối thủy tinh bọt, kích thước sợi thủy tinh bọt trong khoảng 10 -40 mm.

Dạng hạt nghiền thủy tinh bọt được sản xuất từ phối liệu hạt. Nghiền phối liệu được thực hiện trong các loại máy nghiền với các chất kết dính. Chất kết dính có thể sử dụng là nước, các loại sunfát, các hydrat xôđa. Các hạt được nở phồng và gia nhiệt. kích thước hạt trong khoảng 5 - 25 mm, tỷ trọng 2,5 - 2,6 g/cm<sup>3</sup>. Khi sử dụng

**Bảng 2. Sản xuất vật liệu cách nhiệt của một số nước trên thế giới**

Nước	Loại vật liệu cách nhiệt	Khối lượng sản xuất trên 1.000 người, m <sup>3</sup>	Giá 1 m <sup>3</sup> , USD
<b>1. Nga</b>	Tất cả các loại	53	47-120
	- trong đó thủy tinh bọt	0,05	120-500
<b>2. Belarus</b>	thủy tinh bọt	48	100
<b>3. Nhật Bản</b>	Tất cả các loại	350	
	- trong đó thủy tinh bọt	50	300
<b>4. Phần Lan</b>	Tất cả các loại	400	
<b>5. Mỹ</b>	Tất cả các loại	500	
	- trong đó thủy tinh bọt	120	300-400
<b>6. Đức</b>	Tất cả các loại	70	
<b>7. Thụy điển</b>	Tất cả các loại	600	
<b>8. Bỉ</b>	Tất cả các loại	350	
	- trong đó thủy tinh bọt	85	150-200

chất kết dính là NaOH tỷ trọng có thể tăng lên 2,7 - 3,0 g/cm<sup>3</sup>, độ bền tới 0,4 Mpa.

Hiện nay ở đa số các nước trên thế giới việc sử dụng thủy tinh bột trong xây dựng và trong kỹ thuật đang ngày mỗi tăng. Thủy tinh bột không chỉ là vật liệu cách nhiệt, cách âm mà còn là loại vật liệu môi trường sạch cả trong sản xuất và sử dụng. Trong bảng 2 giới thiệu sản xuất vật liệu cách nhiệt của một số nước trên thế giới hiện nay.

Nhà sản xuất thủy tinh bột lớn nhất châu Âu là hãng "Pittsburg-Korning Europ" (Bỉ) với khối lượng lên tới 860 nghìn m<sup>3</sup>/năm. Ở Đức sợi thủy tinh bột được sản xuất trên băng chuyền chuyển động liên tục. Ở các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) chỉ có duy nhất 1 cơ sở sản xuất bloc và sợi thủy tinh bột là nhà máy thủy tinh Gomen (Belarut) với khối lượng khoảng 36 - 40 nghìn m<sup>3</sup>/năm. Một khối lượng nhỏ (2 - 7 nghìn m<sup>3</sup>/năm) được sản xuất ở một số nơi khác như ở các tỉnh khác như Perm, Tômxcơ, Varônhet và Belgôrôt. Một số

dây chuyền công nghệ sản xuất thủy tinh bột có công suất lớn đang ở giai đoạn thiết kế, tới năm 2010 sẽ đưa vào sản xuất 5 - 6 nhà máy với tổng công suất 120 - 150 nghìn m<sup>3</sup>/năm.

Bên cạnh các nguyên liệu chính cho sản xuất thủy tinh bột như bột thủy tinh và chất tạo bột (chất nở phồng) như cốc, than, graphit, đá phần thì phụ thuộc vào thành phần thủy tinh có thể đưa thêm một số chất phụ trợ khác. Tỷ lệ bột thủy tinh và chất tạo bột nằm trong khoảng (97,0 - 99,5)% - (1,5 - 3,0)%. Ngoài các chất tạo bột ở dạng rắn còn sử dụng ở dạng chất lỏng và hỗn hợp, ví dụ như hỗn hợp glyxêrin, thủy tinh lỏng và nước. Trong trường hợp này thì tỷ lệ bột thủy tinh và chất tạo bột là 93,5-6,5 (%). Thủy tinh bột có chất lượng cao nhất khi được nấu trong các lò bể. Công nghệ nở phồng của bloc và sợi thủy tinh bột có thể theo phương pháp gián đoạn hoặc liên tục.

TS. Lê Văn Thanh

## Nhu cầu vật liệu mới - gồm kỹ thuật cho thị trường Hoa Kỳ

Vật liệu mới - gồm kỹ thuật với các đặc tính nổi trội của chúng về cơ học, nhiệt học, điện - từ tính, quang học, y - sinh học v.v... đang ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực năng lượng, chế tạo máy, điện tử, giao thông vận tải, y tế, quốc phòng, xây dựng v.v..., chúng không những làm tăng hệ số làm việc hữu ích của thiết bị, máy móc mà còn nâng cao tuổi thọ sử dụng, giảm các chi phí năng lượng, bảo dưỡng cũng như thân thiện với môi trường hơn. Trong thời gian qua sự phát triển vật liệu mới - gồm kỹ thuật đang thu hút sự quan tâm rất lớn cho các nước đã và đang phát triển. Nhiều quan điểm cho rằng sự phát triển hoặc tụt hậu của một đất nước sẽ phụ thuộc vào sự phát triển của các lĩnh vực sản xuất trên cơ sở nền tảng tổng hợp kiến thức mà một trong số đó là lĩnh vực sản xuất vật liệu mới - gồm kỹ thuật.

Hiện nay vật liệu gồm kỹ thuật đang được triển khai nghiên cứu rất mạnh tại các phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu ở các nước như Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, các nước Liên minh châu Âu, Trung Quốc v.v... Ở Việt Nam lĩnh vực vật liệu mới - gồm kỹ thuật đang còn rất mới mẻ, hiện nay có một số cơ sở nghiên cứu đang bước đầu triển khai nghiên cứu, sản xuất một vài chủng loại vật liệu gồm kỹ thuật làm tiền đề cho phát triển lĩnh vực này ở nước ta trong tương lai.

Trong bài dưới đây giới thiệu sự phát triển vật liệu gồm kỹ thuật tại thị trường Hoa Kỳ hiện tại và trong tương lai. Theo dự báo nhu cầu gồm kỹ thuật cho thị trường Hoa Kỳ từ năm 2005 tăng hàng năm khoảng 7% và sẽ đạt 12 tỷ USD vào năm 2010. Qua theo dõi hàng năm thì các sản phẩm vật liệu gồm kỹ thuật tại thị trường

Hoa Kỳ đã tăng từ năm 2003, tăng khá mạnh vào những năm 2004 – 2005 và sẽ tiếp tục tăng tới năm 2010. Với việc vật liệu gốm kỹ thuật được sử dụng ngày càng nhiều vào nhiều lĩnh vực khác nhau đã thúc đẩy phát triển những tiềm năng mới của chúng kể cả các lĩnh vực từ quốc phòng như vũ khí chiến lược hạt nhân tới các lĩnh vực công nghiệp khác như chế tạo ô tô, điện tử, y học v.v... Các loại vật liệu gốm kỹ thuật cordierit, titanát và zirconát sẽ phát triển đạt kỹ lục do chúng được sử dụng ngày càng nhiều trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, y học và điện tử cũng như sẽ là các chi tiết thay thế cho các loại chi tiết kim loại trong các thiết bị. Sự phát triển mạnh các linh kiện điện tử từ vật liệu gốm kỹ thuật sẽ mang lại những cơ hội vô cùng lớn cho phát triển loại gốm kỹ thuật titanát và các loại gốm kỹ thuật khác. Sử dụng các loại gốm kỹ thuật cordierit, titanát và các loại gốm kỹ thuật khác sẽ mang lại lợi ích từ việc góp phần giảm thêm các loại khí độc hại phát tán ra môi trường như các loại khí NOx, sunfua trong ngành công nghiệp điện tử. Còn với các công nghệ tiên tiến trong sản xuất các dụng cụ y tế thì sẽ thúc đẩy phát triển mạnh loại gốm kỹ thuật zirconát. Các loại vật liệu gốm kỹ thuật khác như gốm nhôm, gốm beryli, cacbua silic và nitrit silic cũng dần có mức độ tăng trưởng song chậm hơn do thị trường phát triển chậm hơn (ví dụ các loại vật liệu cắt). Nhu cầu sử dụng các loại gốm kỹ thuật trong các lĩnh vực khác nhau được giới thiệu ở bảng 1.

1/ Trong công nghiệp điện tử: Sử dụng các loại vật liệu gốm kỹ thuật phụ thuộc rất lớn vào tuổi thọ của các linh kiện và thiết bị điện tử trong công nghiệp điện tử và tới năm 2005 mới đạt được 52 % nhu cầu về các loại gốm này. Trong thị trường sản xuất các thiết bị điện tử như máy tính, hệ thống trò chơi điện tử, máy nghe nhạc và các thiết bị điện tử khác sẽ tiếp tục tăng mạnh nhu cầu về các loại linh kiện bán dẫn, tụ điện và các loại linh kiện khác chứa gốm kỹ thuật. Một nhu cầu lớn về vật liệu gốm kỹ thuật trong thị trường điện tử là các loại gốm cách điện và nam châm vĩnh cửu mà năm 2005

mới đáp ứng cho thị trường này được 38%. Các loại vật liệu gốm kỹ thuật khác cho kỹ thuật điện tử, hạt nhân như sản xuất các chất điện phân cho các thành phần nhiên liệu, các cánh quạt tuốc bin khí nhiệt độ cao, các tấm tiếp xúc, điện cực, các bộ lọc áp điện, bộ nhớ, các kính thiên văn công suất lớn phản xạ hoặc hấp thụ tia hồng ngoại, các bức tương lò phản ứng hạt nhân, các thanh làm chậm điều khiển quá trình phân hủy hạt nhân, các thiết bị tổng hợp hạt nhân và các loại đệm cũng đang ngày gia tăng nhu cầu.

2/ Trong các ngành công nghiệp khác: Nhu cầu sử dụng các loại vật liệu gốm kỹ thuật trong ngành công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị hàng năm tăng khoảng 5,3% cho tới năm 2010 bao gồm các thiết bị gia công, chi tiết máy dụng cụ chính xác, các vòng bi. Việc ngày càng sử dụng các loại máy công cụ và các loại máy móc, thiết bị khác có tính tới lợi ích thân thiện hơn với môi trường trong khi phải đáp ứng công suất ngày càng lớn hơn của chúng đang là cơ hội kinh doanh to lớn cho các nhà sản xuất các loại vật liệu gốm kỹ thuật chịu mài mòn cao, ví dụ trong các thiết bị cắt thì ngày càng đòi hỏi phải có độ mài mòn cao (tiết kiệm được vật liệu) mà hơn nữa lại phải có khả năng tái chế lại được (thân thiện với môi trường và kinh tế hơn). Do vậy một nhu cầu thực tế rất lớn về các loại vật liệu cắt và khuôn có độ bền cao đang rất cần được đáp ứng trước mắt cũng như trong tương lai.

3/ Trong lĩnh vực giao thông vận tải và trong y khoa: Trong lĩnh vực giao thông vận tải ngày càng phát triển chế tạo các loại thiết bị, động cơ cho cả hàng không và ô tô. Do vậy đã kéo theo tăng mạnh nhu cầu về việc sử dụng các loại chi tiết gốm kỹ thuật trong lĩnh vực này như vỏ động cơ, các thanh biến đổi chất xúc tác, các bộ lọc đặc biệt, vỏ bọc cho xe tải quân sự, các bộ thắng gốm hỗn hợp compôsit.

Trong thị trường các dụng cụ y tế đang gia tăng việc sử dụng các loại gốm kỹ thuật cho thay thế các khớp xương và ứng dụng trong kỹ

**Bảng 1. Nhu cầu gốm kỹ thuật phân theo thị trường (triệu USD)**

Thị trường	Qua các năm			% Tăng trưởng	
	2000	2005	2010	2000-2005	2005-2010
Tổng nhu cầu trong đó:	9.050	8.625	12.100	-1,0	7,0
1. Điện tử	3.750	2.820	4.130	-5,5	7,9
2. Thiết bị điện	1.670	1.680	2.370	0,1	7,1
3. Máy công nghiệp	1.124	1.160	1.500	0,6	5,3
4. Thiết bị giao thông	1.060	1.135	1.600	1,4	7,1
5. Lĩnh vực khác	1.446	1.830	2.500	4,8	6,4

**Bảng 2. Nhu cầu các loại vật liệu gốm kỹ thuật (triệu USD)**

Thị trường	Qua các năm			% Tăng trưởng	
	2000	2005	2010	2000-2005	2005-2010
Tổng nhu cầu các loại gốm, trong đó:	9.050	8.625	12.100	-1,0	7,0
1. Gốm khối đặc	7.890	7.530	10.600	-1,2	7,1
2. Vỏ gốm	740	770	1.050	0,8	6,4
3. Hỗn hợp compôsit	330	325	450	-0,3	6,7

thuật nha khoa với các chi tiết gốm kỹ thuật nhân tạo.

4/ Các loại vật liệu gốm kỹ thuật khác: Hiện nay việc sử dụng các loại vật liệu gốm kỹ thuật khối đặc (các sản phẩm gốm tạo hình trực tiếp nguyên khối) chiếm ưu thế lớn. Tiêu thụ các loại vỏ bọc bằng gốm kỹ thuật tăng hàng năm khoảng 6,4% và đạt khoảng 1,1 tỷ USD vào năm 2010. Các chi tiết của động cơ bằng gốm kỹ thuật phát triển khá mạnh trên cơ sở tiềm năng cần phải thay thế chúng trong lĩnh vực giao thông vận tải và đặc biệt trong lĩnh vực chế

tạo hàng không là rất lớn. Nhiều tiềm năng và cơ hội tăng mạnh sử dụng các loại vật liệu gốm kỹ thuật trong các lĩnh vực cách âm, cách nhiệt, chống ăn mòn và chống cháy. Các loại vật liệu gốm kỹ thuật hỗn hợp compôsit cũng được ứng dụng mạnh trong việc chế tạo các chi tiết của động cơ bởi chúng có ưu thế thân thiện hơn với môi trường và có độ bền rất cao trong quá trình vận hành. Trong bảng 2 giới thiệu nhu cầu các loại sản phẩm gốm kỹ thuật tại Hoa Kỳ hiện nay và trong tương lai.

TS. Lê Văn Thanh

## **Dự án làm đường bằng bê tông hàm lượng lớn tro bay (HVFAC) ở Fatehpur Beri - New Delhi, Ấn Độ**

### **Giới thiệu**

HVFAC là thuật ngữ do CANMET (Trung tâm công nghệ năng lượng và khoáng sản Canada) đưa ra vào cuối thập niên 1980 để chỉ một loại bê tông có hàm lượng nước thấp và tối thiểu 50% lượng xi măng poóclăng được thay bằng vật liệu tro bay có chất lượng tốt thoả mãn

các tiêu chuẩn kỹ thuật. Từ năm 1985, nhiều công trình nghiên cứu do CANMET và các tổ chức khác tiến hành đã cho thấy HVFAC mang đặc điểm của một loại bê tông xây dựng tính năng cao: dễ thi công, nhiệt thuỷ hoá thấp, cường độ ở tuổi sớm thích hợp, ở tuổi sau cao, giảm co khô, giảm vi nứt và mang tính bền.

## Dự án HVFAC ở Ấn Độ

Phòng thí nghiệm vật liệu (MTL) của CAN-MET đã hợp tác với Liên đoàn công nghiệp Ấn Độ (CII) và một số đối tác khác ở Ấn Độ triển khai dự án chuyển giao công nghệ HVFAC do Quỹ phát triển biến đổi khí hậu Canada tài trợ thông qua Tổ chức phát triển quốc tế Canada (CIDA).

Mục đích của dự án này là giúp Ấn Độ nâng cao khả năng giảm phát thải khí nhà kính (GHG) và thúc đẩy ngành công nghiệp xây dựng phát triển bền vững nhờ tăng cường sử dụng tro bay thay thế xi măng trong bê tông.

### Dự án thử nghiệm

Công ty công chính Delhi (MCD) đã quyết định làm một đoạn đường dài 300m, mặt đường rộng 7m, lớp lát mặt dày 270mm sử dụng bê tông M30 tại thành phố New Delhi. Với mục đích so sánh tính năng của HVFAC với bê tông thường (không có tro bay), người ta chia đoạn đường trên thành 3 phần, mỗi phần dài 100m

và sử dụng 3 cấp phối khác nhau, gồm: bê tông thường M30, HVFAC M40 và HVFAC M30.

Mọi thí nghiệm liên quan đến dự án được giao cho Trung tâm nghiên cứu xây dựng (CRC) là bộ phận nghiên cứu – triển khai thuộc Công ty TNHH công nghệ xây dựng Chawla – một công ty xây dựng lớn của Ấn Độ. CRC có trách nhiệm thu thập các mẫu bê tông dùng cho các dự án thử nghiệm và tiến hành các thí nghiệm cần thiết trên mẫu ở các tuổi đặc trưng trong phòng thí nghiệm của Trung tâm đặt tại Gadaipur, Mehrauli, New Delhi.

### Quy trình thí nghiệm và kết luận

Trước tiên người ta lựa chọn thiết kế cấp phối bê tông cho dự án, cụ thể sử dụng xi măng poóc lăng thường mác 43 có tỉ diện 315 m<sup>2</sup>/kg và tro bay của nhà máy nhiệt điện Dadri (bang Uttra, Paladest, Ấn Độ) có tỉ diện 404 m<sup>2</sup>/kg, và sử dụng cốt liệu là cát sông theo tiêu chuẩn Ấn Độ cho vùng II và đá dăm 20 x 10mm, sử dụng phụ gia siêu dẻo gốc naphtalene.

**Bảng 1 - Cấp phối của 3 loại bê tông dùng trong dự án**

	Bê tông thường M30	HVFAC M40	HVFAC M30
Xi măng, kg/m <sup>3</sup>	360	220	190
Tro bay, kg/m <sup>3</sup>	0	220	190
Cát sông, kg/m <sup>3</sup>	700	681	705
Cốt liệu thô 10mm, kg/m <sup>3</sup>	570	500	517
Cốt liệu thô 20mm, kg/m <sup>3</sup>	570	612	633
Nước, kg/m <sup>3</sup>	170	138	136
Tỷ lệ nước/xi măng	0,47	0,31	0,36
Phụ gia (% lượng xi măng)	0,7 - 1,0	0,8 - 1,2	0,8 - 1, 2

### Thí nghiệm đặc tính của bê tông tươi

**Độ sụt:** Đo độ sụt bằng côn chảy là phương pháp phổ biến và đơn giản nhất để đánh giá mức độ linh động và đồng nhất của bê tông tươi. Việc đo độ sụt được tiến hành trong 3 ngày theo các tiêu chuẩn thi công hiện hành đối với từng mẫu. Kết quả cho thấy độ sụt của bê tông thường biến thiên trong khoảng 30 -100mm; độ

sụt của bê tông HVFAC M40 từ 35 - 85mm, HVFAC M30 từ 50 - 65mm, nhờ bề mặt nhẵn và hình dạng tròn của các hạt tro bay tương phản với hình dạng góc cạnh của các hạt xi măng mà HVFAC vẫn đạt độ sụt tương đương với bê tông thường, mặc dù hàm lượng nước và chất phụ gia ít hơn bê tông thường.

**Thời gian đông kết:** Bê tông tươi được sàng



tại vị trí đổ và rót đầy vào 3 khuôn khối lập phương dung tích 15cm<sup>3</sup> với cỡ hạt mịn hơn 4,75mm. Sử dụng thấm kế để đo, cột nước thấm được thay đổi thích hợp để tạo ra độ chống thấm từ 0 - 290kg/cm<sup>2</sup>. Các kết quả đo được và thời gian tương ứng với độ chống thấm từ 35kg/cm<sup>2</sup> cho đông kết ban đầu và 275kg/cm<sup>2</sup> đối với đông kết lần cuối. Kết quả thu được cho thấy HVFAC nói chung chậm đông kết hơn so với bê tông xi măng poóclăng thường có cùng cường độ chịu nén ở tuổi 28 ngày, vì HVFAC có hàm lượng xi măng ít hơn và phản ứng pozzolan của tro bay diễn ra chậm.

### Thí nghiệm cường độ chịu nén:

Theo quy định của Bộ tiêu chuẩn ấn độ việc thí nghiệm cường độ chịu nén của bê tông được

tiến hành với mẫu bê tông hình lập phương kích thước mỗi chiều là 150mm.

Trước khi thí nghiệm, người ta lấy các mẫu lập phương ra khỏi thùng dưỡng hộ ẩm, lau sạch mẫu và cân mẫu. Các mẫu này sau đó được đặt lần lượt vào máy nén để thí nghiệm đến phá huỷ. Tải trọng nên được duy trì xung quanh 140kg/cm<sup>2</sup>/phút theo tiêu chuẩn quy định. Giá trị tải trọng tối đa được ghi lại và được tính là cường độ chịu nén của mẫu.

Để kiểm tra những sai số của các mẻ trộn, người ta lấy thêm 3 mẫu khác từ 3 mẻ trộn khác nhau (các xe chở trộn khác nhau) và đo cường độ chịu nén của mẫu ở tuổi 28 ngày. Cường độ chịu nén của mẫu ở tuổi 91 ngày được nêu trong bảng dưới đây.

**Bảng 2. Cường độ chịu nén của bê tông thường và HVFAC**

	Cường độ chịu nén, MPa							
	Ngày thứ 3	Ngày thứ 7	Ngày thứ 14	Ngày thứ 28		Ngày thứ 91		
Bê tông thường M30	17,9	24,7	29,9	33,3	30,6	30,9	32,2	37,1
HVFAC M40	8,9	14,2	20,0	30,3	40,0	40,1	36,2	45,5
HVFAC M30	12,3	16,0	23,1	32,7	30,4	32,0	28,0	46,0

Từ các kết quả trên cho thấy sự chênh lệch về cường độ chịu nén giữa bê tông thường và HVFAC được rút ngắn theo thời gian, tại tuổi 91 ngày, do phản ứng pozzolan của tro bay, HVFAC phát triển cường độ cao hơn khoảng 25% so với bê tông thường.

### Thí nghiệm cường độ chịu nén của mẫu lõi

Tại phòng thí nghiệm, các mẫu lõi được kiểm tra các đặc điểm như bề mặt, kích thước và tần suất của các lỗ rỗng... Các mẫu lõi sau đó được cắt theo chiều dài cần thiết và được

bọc bằng một loại nhựa epoxy đặc biệt. Sau khi được bọc epoxy, các mẫu lõi được ngâm chìm trong nước để đạt mức bão hòa nước. Sau 24 giờ, các mẫu lõi được lấy ra khỏi nước, đo kích thước và cân trước khi thử nén.

Cường độ nén phá huỷ được chuyển đổi thành cường độ chịu nén tương ứng của mẫu lập phương thông qua các hệ số thích hợp cho tỷ lệ H/D cũng như hệ số cường độ giữa mẫu trụ và mẫu lập phương. Các kết quả về cường độ chịu nén của bê tông được xác định dựa trên các mẫu lõi được ghi lại trong bảng dưới đây.

**Bảng 3. Cường độ chịu nén của bê tông dựa trên thí nghiệm các mẫu lõi**

	Cường độ chịu nén, MPa		
	Ngày thứ 14	Ngày thứ 28	Ngày thứ 91
Bê tông thường M30	17,9	22,0	24,3
HVFAC M40	22,9	33,5	42,0
HVFAC M30	22,8	30,3	42,6

Kết quả chứng minh bê tông thường chịu nén kém hơn bê tông HVFAC ở các ngày tuổi khác nhau.

**Thí nghiệm cường độ chịu uốn**

Để phục vụ cho thí nghiệm này, người ta đúc những chiếc dầm bê tông kích thước 10X10X50 (cm) và không có cốt thép để thử uốn bằng cách gia tải cân hai điểm cho đến khi bị nứt. Dựa vào lý thuyết đàn hồi người ta tính toán được cường độ chịu uốn của bê tông thường ở ngày thứ 91 là 4,3 MPa, trong khi đó HVFAC M40 là 6,2 MPa và HVFAC M30 là 6,1 MPa. Điều này cho thấy những ưu điểm của đường bê tông HVFAC so với đường bê tông thường nhờ có cường độ chịu uốn tăng dần đáng kể theo thời gian.

**Thí nghiệm Mô-đun đàn hồi**

Trong thí nghiệm này, người ta tiến hành đúc một mẫu hình trụ đường kính 150mm, dài 300mm bằng bê tông lấy từ cùng mẻ trộn với bê tông thi công mặt đường sau đó ngâm mẫu trong thùng dưỡng hộ. Trước khi làm thí nghiệm 2 ngày, người ta dùng epoxy bịt đầu phía trên (khi đúc mẫu) của các mẫu. Sau 24 giờ, khi mũ epoxy đã định hình hoàn toàn, các mẫu trụ lại được ngâm trong thùng dưỡng hộ để đảm bảo bảo hoà nước.

Các kết quả đo được ở tuổi 91 ngày cho thấy mô đun đàn hồi của HVFAC cao là phù hợp với các tài liệu công bố của CANMET. Thực chất, các hạt tro bay không hoạt hoá trong HVFAC đóng vai trò như cốt liệu mịn làm cho mô đun đàn hồi của HVFAC cao hơn.

**Thí nghiệm khả năng chịu mài mòn**

Đối với dự án của MCD, người ta sử dụng

các mẫu lập phương kích thước cạnh 10cm, 2 mặt của mỗi mẫu được thí nghiệm quay vòng bi sau khi được kẹp chặt vào máy. Áp dụng phương pháp trục bi để xác định khả năng chịu mài mòn của bê tông với thiết bị thí nghiệm gồm một trục bi được quay theo trục thẳng đứng với tốc độ cao nhờ động cơ 10 bi thép đường kính 14mm được bố trí cách đều nhau trong một vòng hãm. Trục thẳng đứng quay với tốc độ 1000 vòng/phút. Tổng trọng lượng đè lên vòng bi, gồm cả trục dẫn động là 15kg. Vòng bi được phép hoạt động trên bề mặt bê tông ướt trong 1 phút hoặc 1.000 vòng quay của trục (dùng máy đếm số để kiểm soát). Tại các ngày tuổi 14, 28 và 91, người ta thu được kết quả bê tông thường có khả năng chịu mài mòn cao hơn HVFAC, độ sâu mài mòn nói chung là thấp như ở tuổi 91 ngày bê tông thường M30 là 0.82mm thì HVFAC M40 là 0,98mm còn HVFAC M30 là 1,05mm. Nói chung, tro bay không ảnh hưởng đến tính chất chịu mài mòn của bê tông ngoại trừ ảnh hưởng của nó đến cường độ và hoàn thiện.

**Thí nghiệm mức độ xâm thực i-on clorua**

Thí nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn ASTM C 1202 – 94, các mẫu sử dụng có đường kính 50mm, cao 50mm, 2 mẫu lấy từ mẻ trộn khác nhau và có độ tuổi khác nhau, còn 2 mẫu khác được lấy bằng cách khoan lõi của lớp mặt đường bê tông đổ tại chỗ ở độ tuổi đặc trưng. Người ta đặt các mẫu vào một máy sấy đặc biệt để hút hết không khí, sau đó đưa vào buồng thử axit acrylic, và được bọc bằng silicon RTV. Hai buồng thử MMA (Methyl Meta Acrylate) được đổ đầy lần lượt dung dịch muối natri clorua 3%

và xút NaOH 0,3N. Cho dòng điện một chiều 60V chạy từ mặt này sang mặt kia của mẫu và việc đếm dòng (mA) được thực hiện cách 1/2 giờ. Các kết quả đối với mẫu lõi và mẫu đúc tương tự như nhau, mức độ xâm thực clorua ngày thứ 28 của bê tông thường M30 cao hơn HVFAC M40 và M30.

### Kết luận chung

Từ các thí nghiệm trong dự án của MCD cho thấy bê tông HVFAC có nhiều ưu điểm vượt trội hơn so với bê tông thường. Về tính linh động, HVFAC sử dụng ít phụ gia hơn nhưng vẫn có tính linh động tương đương bê tông thường. Về các đặc tính cơ học và mức độ xâm thực i-on clorua, HVFAC phát triển cường độ chịu nén và chịu uốn cao hơn ở các tuổi sau, mức độ xâm thực i-on clorua thấp hơn so với bê tông thường. Sử dụng bê tông HVFAC có hiệu quả kinh tế

cao, ví dụ HVFAC M30 cần 190kg/m<sup>3</sup> xi măng và khoảng 2kg/m<sup>3</sup> phụ gia, trong khi bê tông thường cần khoảng 360kg/m<sup>3</sup> xi măng và 3kg/m<sup>3</sup> phụ gia. Đồng thời HVFAC ít tác động đến môi trường do giảm phát thải khí nhà kính so với bê tông thường, do mỗi mét khối bê tông HVFAC các loại cần ít hơn từ 140 – 170kg xi măng so với bê tông thường sẽ giúp giảm lượng phát thải CO<sub>2</sub> cho mỗi mét khối bê tông sử dụng, trong khi cứ mỗi 1 tấn xi măng sẽ phát thải xấp xỉ 1 tấn CO<sub>2</sub> vào môi trường.

Chính vì thế việc sử dụng tro bay thay thế cho xi măng khi sản xuất bê tông sẽ là lựa chọn phù hợp đối với các dự án làm đường ở Ấn Độ.

**Nguồn:** [www.hvfacprojectindia.com](http://www.hvfacprojectindia.com)

ND: Quỳnh Anh

## Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

### Khả năng biến dạng của cột bê tông cốt thép

*Tác giả: Hossein Mostafaei, Frank J. Vecchio, Toshimi Kabeyasawa*

*Tạp chí Kết cấu, số 2, tháng 3/2009*

#### Tóm tắt:

Bài này giới thiệu một phương pháp hiệu quả để dự báo khả năng chịu tải và biến dạng của các cột bê tông cốt thép dựa trên nguyên lý về sự tương tác uốn-cắt dọc trục. Các kỹ thuật phân tích mặt cắt truyền thống được sử dụng để mô hình hoá cơ chế uốn, và dùng lý thuyết vùng chịu nén cải biến đơn giản hoá để mô hình hoá khả năng chịu cắt của cấu kiện. Các đường ứng suất biến dạng rút ra từ mô hình uốn được thực hiện trong mô hình cắt và sử dụng cho tính toán sự biến dạng cắt và mức độ giảm cường độ của bê tông.

Các kết quả phân tích được đem so sánh và hoàn toàn phù hợp với các kết quả nghiên cứu bằng thực nghiệm.

<http://www.concrete.org>

### Đánh giá kết cấu các cầu có sự phá hoại sớm bê tông do các phản ứng giãn nở

*Tác giả: A. Boenig, L.M.Funez, L.Memberg, J. Roche, B. Tinkey, R.E.Klingner, T.J Fowler*

*Tạp chí kết cấu số 2, tháng 3/2009*

#### Tóm tắt:

Bài này giới thiệu một công trình nghiên cứu trong giai đoạn 1998-2003 tiến hành khảo sát ứng xử kết cấu của các cầu đang hoạt động có sự phá hoại sớm bê tông ở bang Texas (Mỹ). Công trình nghiên cứu này gồm 5 phần: 1) nghiên cứu hiện trường; 2) phát triển hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ hư hỏng (DI); 3) Thí nghiệm trong phòng đối với các dầm cầu bị hỏng; 4) Thí nghiệm các mẫu lõi của các dầm cầu bị hỏng; 4) Đánh giá không phá huỷ tại hiện trường và đối với các mẫu thí nghiệm trong phòng. Các kết quả nghiên cứu đã cho thấy sự phá hoại sớm bê tông có làm giảm khả năng chịu tĩnh tải và độ bền mỏi của các cầu, tuy nhiên phạm vi ảnh hưởng không lớn.

<http://www.concrete.org>

## Sử dụng thép tính năng cao làm cốt thép chống cắt cho dầm bê tông

Tác giả: Matthew S.Sumpter, Sami H.Rizkalla, Paul Zia

Tạp chí kết cấu số 2, tháng 3/2009

### Tóm tắt:

Bài này mô tả ứng xử của thép tính năng cao (high-performance steel) khi được sử dụng làm cốt thép chống cắt cho các dầm bê tông. Loại thép này có đặc điểm là cường độ cao cũng như độ bền chống ăn mòn được tăng cường so với thép G-60 theo tiêu chuẩn ASTM A615-06. Loại thép tính năng cao được sử dụng trong nghiên cứu này là thép MMFX (một loại thép được sản xuất theo công nghệ nano) theo tiêu chuẩn ASTM A 1035-07. Các thí nghiệm cho thấy, cốt thép tính năng cao làm tăng đáng kể khả năng chịu cắt và cường độ cho các dầm. Các tiêu chuẩn thiết kế hiện nay có thể được áp dụng để thiết kế đối với thép tính năng cao có cường độ đàn hồi đến 80ksi (552Mpa).

<http://www.concrete.org>

## Trung Quốc: sử dụng sáng tạo các vật liệu làm đường ô tô

Tác giả: Qingquan Liu, Dongwei Cao – Viện Khoa học giao thông – Bộ GT Trung Quốc

Tạp chí Vật liệu xây dựng số 4/2009

### Tóm tắt:

Với những đặc tính ưu việt như chống trơn trượt, giảm tiếng ồn, ít gây chói... mặt đường asphalt rỗng (bê tông nhựa rỗng) có thể giúp nâng cao đáng kể chất lượng lái xe trong điều kiện trời mưa và đã được sử dụng phổ biến ở châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Ở Trung Quốc, những nghiên cứu đầu tiên về mặt đường asphalt rỗng đã được tiến hành từ đầu thập niên 1980. Do thời tiết nóng, lưu lượng phương tiện giao thông lớn cũng như chất lượng vật liệu kém nên việc thử nghiệm lát mặt đường bằng bê tông nhựa rỗng khi đó đã không thành công. Bài viết này giới thiệu một công trình nghiên

cứu đang được tiến hành về thành phần vật liệu và ảnh hưởng của nó đến sự làm việc của mặt đường bê tông nhựa rỗng.

Công trình nghiên cứu này đã đưa ra công thức tính toán cấp đường liên quan đến độ xốp rỗng của bê tông nhựa, cũng như quan hệ định lượng giữa lỗ rỗng và hiệu quả thoát nước của mặt đường bê tông nhựa xốp thông qua các nghiên cứu thực nghiệm, kiến nghị các yêu cầu đối với việc sử dụng mặt đường bê tông nhựa rỗng trong điều kiện thời tiết và giao thông của Trung Quốc.

<http://www.ascelibrary.aip.org>

## Những hình ảnh đầu tiên về Làng Olympic 2012

Những hình ảnh đầu tiên về việc thi công xây dựng các công trình nhà ở trong Làng Olympic 2012 tại Luân Đôn (Vương quốc Anh) đã được đăng tải trên trang web London 2012.



Trên công trường xây dựng làng Olympic 2012

Mọi người đều có thể hàng ngày theo dõi quá trình xây dựng làng Olympic 2012 thông qua 3 chiếc webcams được lắp đặt trên công trường.

Giám đốc ban điều hành Olympic ở Luân Đôn (ODA) - ông John Armit cho biết, "hiện nay các công trình trong làng Olympic 2012 đang được đẩy nhanh tiến độ xây dựng, những chiếc webcam nói trên sẽ giúp công chúng giám sát tiến độ thực hiện dự án quan trọng này".

Làng Olympic bao gồm 11 khối nhà ở, mỗi khối gồm 5-7 toà nhà được xây dựng xung quanh 1 sân chơi. Khối nhà đầu tiên đã được thực hiện đến tầng thứ 3 và 2 khối khác đã bắt đầu xây dựng. Trên công trường hiện nay đã lắp đặt 6 cần cẩu tháp và sẽ tiếp tục lắp thêm 16 chiếc nữa vào mùa hè năm nay.

**Nguồn:** <http://www.building.co.uk>

### Thames Gateway sản xuất năng lượng từ rác thải

Tập đoàn phát triển Thames Gateway có trụ sở tại Luân Đôn (Vương quốc Anh) mới đây đã ký hợp đồng giao cho Công ty quản lý rác thải Cyclamax xây dựng nhà máy điện sử dụng nguyên liệu rác thải đầu tiên của Tập đoàn trên một diện tích 3,5 ha tại khu công nghiệp London SIP.

Nhà máy khí hoá nói trên có công suất 100.000 tấn sẽ tạo ra khoảng 15MW điện mỗi



Mô hình nhà máy

năm, đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng cho khoảng 20.000 hộ dân. Đồng thời nhà máy này cũng có hướng kinh doanh thương mại rác thải thay vì phải chôn lấp, bao gồm cả rác thải

không tái chế của các văn phòng, nhà hàng và cửa hàng.

Cyclamax dự kiến tiến hành xây dựng, lắp đặt nhà máy vào mùa hè năm nay, và nhà máy này dự kiến có thể đi vào hoạt động từ đầu năm 2012.

<http://www.cnplus.co.uk>

### Macao cải tạo các ngôi nhà cổ quanh khu vực bảo tồn di tích lịch sử

Theo hãng tin Tân Hoa ngày 23/3 - Ma Cao sẽ triển khai cải tạo ngoại thất các công trình xung quanh khu phố cổ trung tâm nhằm bảo vệ sự đồng nhất về kiến trúc của các khu phố cổ.

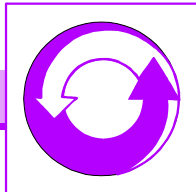
Giai đoạn đầu của dự án được triển khai trong khu vực St. Lazarus của thành phố bao gồm 36 căn nhà cổ trên 5 đường phố khác nhau trong khoảng 2 tháng. Dự án triển khai ở khu vực San Sa Lou bao gồm 5 dự án thành phần.

Công việc tu bổ các công trình đầu tiên trong khu vực di tích lịch sử St. Lazarus Parish được triển khai từ ngày 23/3/2009. Đây là một trong những khu phố cổ kính nhất ở Macao, bao gồm các ngôi nhà 1 tầng và 2 tầng theo các phong cách kiến trúc Trung Quốc và phương Tây.

Với những đường phố, nhà ở cổ kính, công trình tôn giáo và công trình công cộng mang phong cách Trung Quốc và Bồ Đào Nha, trung tâm bảo tồn di tích của Macao là tập hợp của trên 20 địa điểm là bằng chứng cho sự đồng hoá độc đáo và cùng tồn tại của nền văn hoá Trung Quốc và phương Tây ở Macao. Các di sản văn hoá đó đã được đưa vào danh sách Di sản thế giới của UNESCO.

<http://www.chinaview.cn>

**Biên tập tin:** Quỳnh Anh - Minh Tuấn



## **Khai mạc Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội**

Ngày 26/3/2009, tại Cung Văn hoá Hữu nghị Việt Xô - Hà Nội đã diễn ra Lễ khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild – Xây dựng, vật liệu xây dựng nhà ở và trang trí nội ngoại thất. Triển lãm Vietbuild Hà Nội là hoạt động định kỳ hàng năm do Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo, bảo trợ nhằm giới thiệu những thành tựu phát triển của ngành Xây dựng, những sản phẩm mới, là hoạt động chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại, kích cầu đầu tư của các doanh nghiệp xây dựng. Tham dự Lễ khai mạc có đại diện lãnh đạo các Bộ ngành Trung ương và địa phương, Đại sứ quán Trung Quốc, Indonesia, Tổng lãnh sự Vương quốc Anh, các hiệp hội chuyên ngành xây dựng, các doanh nghiệp tham gia triển lãm và đông đảo khách tham quan. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân – Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đồng chí Nguyễn Thế Thảo – Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã đến dự khai mạc và đi thăm các gian trưng bày tại Triển lãm.

Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội do Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng, và Công ty Hội chợ triển lãm quốc tế AFC – TP Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức từ ngày 26 đến ngày 30/3/2009 tại Cung Văn hoá Hữu nghị Việt Xô, Hà Nội. Đây là một triển lãm chuyên ngành có quy mô lớn với 900 gian hàng của 397 đơn vị từ 15 quốc gia và vùng lãnh thổ gồm Hàn Quốc, Thái Lan, Italia, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Đức, Thụy Sĩ, Singapore, Hồng Kông, Pháp, Mỹ, Indonesia, Đài Loan và Việt Nam.

Các sản phẩm được trưng bày tại Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội chủ yếu thuộc các nhóm ngành vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, kính và cửa kính, thiết bị điện, thiết bị vệ sinh, sơn – chất chống thấm, nhà ở và bất động sản, máy móc và thiết bị công nghệ, các phụ kiện xây dựng... trong đó có nhiều công nghệ mới,



*Lễ cắt băng khai mạc Vietbuild 2009 tại Hà Nội*

sản phẩm mới lần đầu tiên được giới thiệu tại Việt Nam.

Tại Lễ khai mạc Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội đã diễn ra các hoạt động tôn vinh doanh nghiệp đạt Huy chương vàng chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp được tặng thưởng cúp vàng thương hiệu ngành Xây dựng, giải thưởng gian hàng quy mô, đẹp và ấn tượng.

Phát biểu khai mạc Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã biểu dương các đơn vị và các nhân trong nước và quốc tế đã tham gia Triển lãm, đánh giá cao các hoạt động của Triển lãm Vietbuild: "...Trong những năm qua, với quy mô liên tục phát triển, nhiều sản phẩm mới được trưng bày và giới thiệu cùng các chương trình hoạt động phong phú, nhiều hợp đồng kinh tế lớn được ký kết tại Triển lãm đã cho thấy Triển lãm Vietbuild thật sự là cơ hội, điểm hội tụ lớn của các doanh nghiệp trong xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ và hợp tác đầu tư. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam đang bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Triển lãm Vietbuild vẫn nhận được sự tích cực tham gia của đông đảo các doanh nghiệp trong và ngoài nước với quy mô năm sau lớn hơn năm trước, chứng tỏ

Vietbuild vẫn là một triển lãm nhận được sự ưu tiên lựa chọn và được sự tin nhiệm của các doanh nghiệp ngành Xây dựng”.

Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội là một sự kiện lớn, là cơ hội để các nhà quản lý và doanh nghiệp thăm dò thị trường, nhằm định hướng tốt hơn về kế hoạch và chiến lược kích cầu đầu tư phát triển. Thông qua cơ hội giao thương tại Triển lãm, các nhà doanh nghiệp sẽ mở rộng liên kết, hợp tác đầu tư để tạo ra các

sản phẩm mới, công nghệ mới với giá thành phù hợp với người tiêu dùng.

Theo Ban Tổ chức cho biết, trong khuôn khổ Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội sẽ diễn ra hoạt động Hội thảo: Công nghệ mới, sản phẩm mới ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển, diễn đàn doanh nghiệp và các chương trình khuyến mãi.

Minh Tuấn

## **Chào mừng 75 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3/1931 -26/3/2009**

### **Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức chương trình Về nguồn tại Cao Bằng**

Trong 3 ngày từ 20 – 22/3/2009, Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng đã phối hợp với Đoàn Thanh niên Sở Xây dựng Cao Bằng tổ chức Chương trình “Về nguồn” tại Cao Bằng. Đây là một hoạt động nhằm kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Tham dự Chương trình có các đồng chí là lãnh đạo của Sở Xây dựng, tỉnh đoàn Cao Bằng, Đoàn khối các cơ quan Trung ương và 130 cán bộ đoàn đại diện cho 27 cơ sở đoàn trực thuộc cơ quan Bộ Xây dựng, đoàn viên thanh niên Sở Xây dựng Cao Bằng.

Đoàn thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Đoàn bác sỹ tình nguyện của Bệnh viện Xây dựng đến khám bệnh, tư vấn và phát thuốc miễn phí cho gần 300 đồng bào dân tộc xã Vân An, huyện Hà Quảng - một xã biên giới của tỉnh Cao Bằng. Đoàn cũng đã đến thăm và tặng 20 suất quà cho các em học sinh dân tộc nghèo vượt khó tại 2 trường tiểu học và trung học xã Vân An, huyện Hà Quảng; trao tặng 1 bộ trống đội cho hội đồng đội huyện Hà Quảng nhân dịp tháng Thanh niên Việt Nam 2009. Đoàn đã tổ chức đi thăm quan các địa danh lịch sử như thác Bản Giốc; hang động Ngườm Ngao; khu di tích lịch sử Pác Bó.



*Khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho đồng bào dân tộc xã Vân An, Hà Quảng, Cao Bằng*

Ngoài ra Chương trình cũng tổ chức các hoạt động phong phú và sôi nổi như đêm lửa trại, giao lưu văn nghệ, thi kéo co và tặng quà lưu niệm cho đội bạn...

Chương trình “Về nguồn” của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cơ quan Bộ Xây dựng là một hoạt động có ý nghĩa chính trị to lớn nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho đoàn viên thanh niên, là dịp cầu giao lưu tăng cường sự đoàn kết, gắn bó đồng thời mở rộng giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong công tác đoàn giữa các Đoàn viên.

Nghiêm Thuý Giang

## **Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng LICOGI tổng kết công tác năm 2008 và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2009**

Ngày 17/3/2009 tại Hà Nội Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng - Bộ Xây dựng (LICOGI) đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2008 và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2009. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Năm 2008 là năm có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường của thị trường cả trong nước và thế giới: giá nguyên, nhiên vật liệu liên tục thay đổi theo chiều hướng tăng; lãi suất vay vốn cao; thị trường chứng khoán liên tục sụt giảm; thị trường xây dựng bị thu hẹp,... gây nhiều khó khăn và thách thức, ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành xây dựng nói chung và T Cty Licogi nói riêng. T Cty LICOGI đã liên tục rà soát cân đối lại chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2008 cho phù hợp với tình hình thực tế, chủ động đề ra các giải pháp cụ thể để đảm bảo tính khả thi của các chỉ tiêu kế hoạch, không chạy theo chỉ tiêu tăng trưởng, thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Năm 2008 T Cty có thuận lợi trong các công việc thi công xây lắp, các công trình gói đầu nhiều, hiện tại T Cty đang thi công một số công trình lớn nổi bật là: Các công trình thủy điện A Vương, Bản Chát, Bắc Hà, Sơn La, Đồng Nai 3, Đắc Mi 4, Đắc Tít, Sông Tranh 2; công trình âu tầu Dung Quất,... Đặc biệt cuối năm T Cty đã tham gia dự thầu quốc tế và thắng thầu gói thầu "San nền và nắn dòng sông Mông Dương" thuộc dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương với giá trị 253 tỷ đồng. T Cty đã không ngừng phát huy các thành tích đã đạt được, khắc phục những tồn tại nên sản xuất kinh doanh năm 2008 đã mang lại một số hiệu quả cụ thể, như



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân  
phát biểu chỉ đạo Hội nghị*

sau: Sản lượng đạt 5.254,57 tỷ đồng bằng 116,28% kế hoạch năm, tăng 27,74% so với năm 2007; doanh thu đạt 4.331,35 tỷ đồng bằng 124,05% kế hoạch năm, tăng 31,31% so với năm 2007; lợi nhuận thực hiện đạt 256,54 tỷ đồng bằng 130,28% kế hoạch năm, tăng 73,83% so với năm 2007; nộp ngân sách 133,86 tỷ đồng tăng 53,00% so với năm 2007; tổng vốn đầu tư phát triển đạt 1.133,01 tỷ đồng tăng 60,09% so với năm 2007.

Hoạt động xây lắp vẫn là hoạt động SXKD chủ yếu của T Cty. Giá trị xây lắp của toàn T Cty năm 2008 thực hiện đạt 3.311,92 tỷ đồng, chiếm 63,03% trong tổng giá trị sản lượng thực hiện và tăng 10,59% so với năm 2007.

Hiện tại T Cty đang thi công 8 công trình thủy điện trên phạm vi cả nước. Các dự án đầu tư tiếp tục được triển khai thực hiện như thủy điện Bắc Hà, Khu đô thị cột 5 - cột 8, Nam Ga Hạ Long, đường bao biển Lán Bè - cột 8, Khu đô thị mới Thịnh Liệt,...

Ngoài các công trình trọng điểm nêu trên, còn phải kể đến các công trình khác do các đơn vị tự tìm kiếm, giá trị sản lượng chiếm hơn 50% trong tổng giá trị sản lượng đã đạt được.

Nhìn chung trong công tác xây lắp T Cty đã



bám sát tiến độ các công trình trọng điểm, tập trung một lực lượng lớn nhân lực, vật lực, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.

Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp và VLXD, năm 2008 thực hiện đạt 1.135,41 tỷ đồng, chiếm 21,61% trong giá trị tổng sản lượng đã đạt được. Doanh thu đạt 1.023,69 tỷ đồng bằng 90,16% so với sản lượng thực hiện. Đây là lĩnh vực kinh doanh lớn thứ hai sau sản xuất xây lắp của TCty. Trong năm qua mặc dù gặp phải khó khăn về vốn cho sản xuất, giá vật liệu đầu vào, giá nhiên liệu, năng lượng tăng dẫn đến giá thành sản phẩm tăng cao. Tuy nhiên, bằng nỗ lực trong quản lý và điều hành sản xuất, các đơn vị cũng đã duy trì và ổn định được sản xuất, từng bước cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm tối đa các chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị tiêu thụ sản phẩm. So với năm 2007 đã có sự tăng trưởng cả về giá trị và lợi nhuận thu được, tăng 44,2% về giá trị sản lượng; hầu hết các sản phẩm sản xuất ra đều được thị trường chấp nhận.

Cty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh vẫn giữ vững và phát triển mặt hàng truyền thống là sản phẩm thép đúc hợp kim - bi đạn, tấm lót vẫn là nhà cung cấp số 1 trên thị trường hiện nay. Dây chuyền sản xuất nhôm sau nhiều năm thua lỗ, kết quả sản xuất năm 2008 đã có lãi và đang dần từng bước khẳng định thương hiệu đặc biệt đối với sản phẩm mũi nhọn sơn tĩnh điện.

Cty Gạch Granit Đồng Nai sau nhiều năm sản xuất chưa hiệu quả và có thời gian phải ngừng sản xuất do khó khăn trong tiêu thụ, từ năm 2006 Cty đã sắp xếp lại tổ chức, bố trí lao động hợp lý, ổn định lại máy móc, thiết bị, rà soát lại các yếu tố chi phí giá thành sản phẩm,.... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành. Năm 2008 là năm thứ 3 liên tiếp Cty sản xuất đạt và vượt công suất thiết kế, đạt 1,618 triệu m<sup>2</sup>, tiêu thụ được 1,402 triệu m<sup>2</sup> với tổng doanh thu đạt 115,51 tỷ đồng.



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân trao tặng Cờ thi đua xuất sắc cho các đơn vị thuộc TCty Licogi

Cty Cổ phần xây lắp và VLXD Đồng Anh với phương châm đảm bảo mục tiêu chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín và thương hiệu trên thị trường trong điều kiện thị trường sản phẩm tấm lợp AC năm qua có sự cạnh tranh khốc liệt nên đã giữ nguyên giá bán, chấp nhận giảm một phần lợi nhuận. Năm 2008 sản xuất tấm lợp các loại đạt 13,96 triệu m<sup>2</sup> và tiêu thụ được 13,86 triệu m<sup>2</sup> với doanh thu 244,55 tỷ đồng.

Các sản phẩm khác như gạch tuy nèn, ống nhựa,.... vẫn duy trì sản xuất và tiêu thụ ổn định, được thị trường chấp nhận.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do diễn biến phức tạp do chiều hướng xấu của thị trường, TCty đã liên tục phải rà soát lại tình hình đầu tư tại các dự án, giãn tiến độ thực hiện tại một số dự án để tập trung vốn cho các dự án có hiệu quả. Hai dự án lớn của TCty là Khu đô thị Thịnh Liệt và Thủy điện Bắc Hà, trong những năm từ năm 2007 hầu như không triển khai thi công được do việc lo vốn bị kéo dài, tuy nhiên đến nay, vốn cho các dự án trên đã được đáp ứng, việc giải ngân cho các dự án đã được triển khai và tiến hành thuận lợi.

Thực hiện chủ trương sắp xếp đổi mới doanh nghiệp của nhà nước và Bộ Xây dựng, TCty đã cổ phần hoá được 14 đơn vị, bàn giao sang hoạt động cổ phần cho doanh nghiệp còn lại là Cty LICOGI 9, Cty cổ phần LICOGI 15.

TCty tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị

doanh nghiệp theo mô hình mẹ - con, ban hành các quy chế liên quan đến quản lý tài chính, quản lý kinh tế theo mô hình cty mẹ - con, hoạt động của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã cổ phần hoá, quản lý đầu tư dự án cấp 2 tại Khu đô thị Thịnh Liệt,...

TCTy cũng đang rà soát, sắp xếp, cử cán bộ quản lý phần vốn của TCTy tại các đơn vị cổ phần cho phù hợp với năng lực cán bộ và loại hình doanh nghiệp.

Năm 2008 được đánh giá là thành công trong công tác quản lý kinh tế và tài chính của TCTy nói chung và của Cơ quan TCTy nói riêng. Lợi nhuận thực hiện của TCTy tăng 78,32% so với năm 2007, riêng cơ quan TCTy lợi nhuận năm 2008 đạt 26 tỷ đồng.

Để đạt được những kết quả như trên ngoài việc đẩy mạnh SXKD, tiết kiệm chi phí tại các công trình, các cty thành viên đã khơi dậy được các tiềm năng trước đây bị quên lãng. TCTy đã cương quyết trong đối chiếu công nợ nội bộ, trong thu hồi vốn mà các đơn vị nợ của TCTy, vì vậy đã giảm được đáng kể nợ vay của ngân hàng, góp phần nâng cao hiệu quả của cơ quan TCTy. Trên cơ sở xác định việc gìn giữ, xây dựng và phát triển thương hiệu LICOGI là trách nhiệm chung của toàn TCTy, lãnh đạo TCTy sẽ quyết tâm trong việc kiểm tra, giám sát vấn đề sử dụng thương hiệu tại các đơn vị.

Để phục vụ công tác quản lý cơ quan TCTy và đảm bảo hiệu quả SXKD, TCTy đã ban hành hàng loạt quy chế về quản lý kinh tế, quản lý tài chính, quản lý cơ giới,... qua đó công tác quản lý và ý thức chấp hành của mỗi CBCNV đã dần được hoàn thiện, đi vào nề nếp và mang lại hiệu quả. Thông qua các quy chế quản lý mối quan hệ về kinh tế giữa TCTy và các đơn vị đã được rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả SXKD cho cả TCTy và các đơn vị thành viên.

Sau một năm thực hiện mô hình Cty mẹ - con, TCTy đã thu được nhiều thành quả đáng kể, nhất là hiệu quả SXKD. Trong bối cảnh tình hình giá cả không ổn định, giá vật tư xây dựng

tăng nhanh, cùng với sự tăng trưởng về sản lượng và doanh thu TCTy đã có bước nhảy vọt về lợi nhuận, trong đó lợi nhuận tại các đơn vị đã cổ phần hoá đạt mức cao.

Với nhận thức đảm bảo vốn cho SXKD là nhiệm vụ quan trọng để đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2008, các đơn vị đã triệt để huy động nguồn vốn từ nhiều kênh khác nhau như vốn tự có, vốn thanh toán, vốn tín dụng. Đặc biệt các đơn vị đã cổ phần hoá, nguồn vốn huy động được tăng lên nhiều thông qua phát hành tăng thêm vốn điều lệ. Vì vậy không những đảm bảo được vốn cho SXKD mà còn đáp ứng được nguồn vốn đầu tư cho các dự án chính của bản thân doanh nghiệp. Riêng cơ quan TCTy đã thực hiện huy động vốn góp của CBCNV trong khối cơ quan cho Thủy điện Bắc Hà, góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn. Đến nay TCTy đã có 897 tỷ đồng vốn chủ sở hữu so với 513 tỷ đồng năm 2007; không còn nợ quá hạn ngân hàng.

Tuy vậy, việc thu hồi vốn từ các công trình đã và đang thi công còn nhiều khó khăn, nhất là các công trình trọng điểm của Nhà nước, dẫn đến thanh toán trả cho các nhà thầu, vay và trả nợ vay ngân hàng bị ảnh hưởng, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD và việc cung cấp vốn cho các dự án đầu tư.

Nhìn chung năm 2008 LICOGI đã đạt được nhiều thành tích về mọi mặt, hiệu quả SXKD tăng rõ rệt so với năm 2007. Điều này thể hiện được sự cố gắng phấn đấu của toàn thể CBCNV của TCTy, sự cố gắng phấn đấu, nỗ lực vươn lên của các đơn vị mà trong các năm trước đặc biệt khó khăn.

Năm 2009, TCTy xác định là năm còn nhiều khó khăn và nhiều việc phải làm như tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo từ TCTy đến các doanh nghiệp, các ban quản lý dự án, các ban điều hành; chuyển đổi mô hình hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo mô hình cty cổ phần,... do vậy mục tiêu của TCTy trong năm 2009 là tiếp tục củng

cổ lực lượng, lấy hiệu quả SXKD là mục tiêu hàng đầu.

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của năm 2009 như sau: Sản lượng 5.797 tỷ đồng, tăng 10,33% so với năm 2008, trong đó sản xuất xây lắp là 3.781 tỷ đồng, sản xuất công nghiệp và VLXD là 1.523 tỷ đồng, tư vấn khảo sát, thiết kế là 26 tỷ đồng, SXKD khác là 467 tỷ đồng.

Năm 2009 tập thể CBCNV của TCty Xây

dựng và phát triển hạ tầng LICOGI xác định sẽ phát huy hơn nữa trong việc ổn định tổ chức, lành mạnh về tài chính, quan tâm hơn đến đầu tư và phát triển những ngành nghề hiện đang là mũi nhọn của từng đơn vị, mở thêm ngành nghề mới để đơn vị ngày càng vững vàng trên con đường hội nhập quốc tế.

Huỳnh Phước

## **Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo**

Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh có vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung. Cửa khẩu còn là nơi giao lưu và thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Lào, Thái Lan và Mianma, là cửa ngõ ngắn nhất ra biển Đông của các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông. Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo được thành lập theo quyết định số 177/1998/QĐ-TTg ngày 15/9/1998 của Thủ tướng Chính phủ, cho đến nay các hoạt động kinh tế - xã hội tại khu kinh tế đã có nhiều khởi sắc. Việc lập quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế là cần thiết và cấp bách, nhằm:

- Xây dựng Khu kinh tế thành khu kinh tế động lực, đô thị phía Tây của tỉnh Hà Tĩnh. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo điểm bứt phá và liên kết phát triển về kinh tế - xã hội trong khu vực Bắc Trung Bộ, thu hẹp khoảng cách trong phát triển, tiến tới hội nhập với cả nước và quốc tế.

- Tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và thắt chặt tình hữu nghị giữa hai nước Việt Nam - Lào, với các nước láng giềng, giữa tỉnh Hà Tĩnh với các tỉnh của Lào, Thái Lan có sử dụng đường 8A; tạo điều kiện bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Ngày 09/02/2009 Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 155/2009/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

Xét về tính chất, Khu kinh tế là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm nghiệp, cửa ngõ giao thương quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng trong nước và quốc tế trên hành lang kinh tế Đông - Tây, là trung tâm kinh tế văn hoá dịch vụ du lịch của tỉnh Hà Tĩnh và vùng Bắc Trung Bộ, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ.

Mục tiêu của Quy hoạch chung là:

- Cụ thể hoá Đề án “Quy hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đến 2020”.

- Xây dựng một khu kinh tế có các khu chức năng và hạ tầng đô thị đồng bộ, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, thuận lợi, khai thác tối đa các lợi thế sẵn có về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên để phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ theo định hướng xuất khẩu.

- Phát triển Khu kinh tế thành đầu mối giao lưu kinh tế và hợp tác quốc tế quan trọng.

- Xây dựng Khu kinh tế đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bố trí dân cư, hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị, bảo đảm

phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc dân tộc.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai quy hoạch chi tiết các khu chức năng, thu hút đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Vị trí và phạm vi nghiên cứu:

- Vị trí: phía Bắc giáp xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn; phía Nam giáp huyện Vũ Quang; phía Đông giáp các xã: Sơn Lĩnh, Sơn Diệm, huyện Hương Sơn; phía Tây giáp tỉnh Bôlykhamxay, CHDCND Lào.

- Phạm vi nghiên cứu: toàn bộ địa giới hành chính các xã: Sơn Kim I, Sơn Kim II, Sơn Tây và thị trấn Tây Sơn thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Quy mô đất đai: Tổng diện tích tự nhiên của Khu kinh tế khoảng 56.685 ha, trong đó diện tích lập quy hoạch xây dựng khoảng 12.500 ha.

Các chỉ tiêu cơ bản của Khu kinh tế được xác định trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn quy phạm dành cho tiêu chí đô thị loại IV được quy định tại Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị.

Việc phân khu chức năng phải bảo đảm cho khu vực cửa khẩu quốc tế Cầu Treo gắn liền với khu thương mại và công nghiệp Hà Tân, khu vực du lịch sinh thái Nước Sốt - Sơn Kim, khu vực đô thị phát triển tập trung tại thị trấn Tây Sơn mở rộng... Tính toán xác định vị trí và quy mô phát triển cho từng khu chức năng cụ thể.

Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị theo hướng:

- Xác định vị trí và tổ chức không gian các khu trung tâm đô thị, các vùng kiến trúc cảnh quan có tầm quan trọng trong Khu kinh tế như các trung tâm, các cửa ngõ vào Khu kinh tế, các tuyến phố trục không gian chính, các khu vực quảng trường, cây xanh.... đề xuất tổ chức không gian và tạo các điểm nhấn trong đô thị.

- Tổ chức không gian khu vực cửa khẩu phù hợp với chức năng của khẩu quốc tế, yêu cầu giao thương quốc tế và an ninh quốc phòng.

- Tổ chức không gian các điểm dân cư nông

thôn, đáp ứng yêu cầu về nâng cao điều kiện sống đồng thời giữ vững được bản sắc riêng của các dân tộc trong vùng.

Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Giao thông: Bảo đảm gắn kết với hệ thống hạ tầng quốc gia liên quan, có sự kết nối với các khu vực trọng điểm kinh tế của nước bạn Lào, đáp ứng yêu cầu về an ninh, quốc phòng khu vực biên giới.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Quy hoạch hệ thống thoát nước thải; xác định vị trí, quy mô các trạm xử lý nước thải bảo đảm tiêu chuẩn môi trường.

- Xác định cao độ nền xây dựng: Bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa việc san gạt, đào đắp. Đề xuất các giải pháp phòng, chống thiên tai lũ lụt, sạt lở, tôn tạo cảnh quan môi trường.

- Cấp nước: Khảo sát đánh giá về tài nguyên nước trên địa bàn, khả năng về trữ lượng và chất lượng nước để có các giải pháp cấp nước phù hợp và bảo vệ nguồn nước.

- Cấp điện: Xác định nguồn và các giải pháp cấp điện cho Khu kinh tế tương ứng với các dự án phát triển nguồn điện lưới của quốc gia. Xem xét phát triển các nguồn điện từ thủy điện nhỏ trong khu vực.

- Bưu chính, viễn thông: xác định quy mô, vị trí các trạm và các mạng truyền dẫn, di động,...

- Triển khai đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch, các dự án, kế hoạch phát triển trong Khu kinh tế theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, bảo đảm giữ gìn môi trường, sinh thái và cảnh quan khu vực, phát triển ổn định, bền vững, đặc biệt đối với vùng du lịch Sơn Kim (Nước Sốt) và khu vực biên giới Việt - Lào.

Nhiệm vụ Quy hoạch chung cũng nêu ra việc xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với dự báo nguồn lực; dự thảo Quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

**Huỳnh Phước**

## **Thị xã Cửa Lò được công nhận là đô thị loại III**

Thị xã Cửa Lò là một trong hai trung tâm kinh tế lớn nhất tỉnh Nghệ An, chỉ sau thành phố Vinh là đô thị loại I. Thị xã hiện đang phát triển với tốc độ nhanh và ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Nghệ An. Trong quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Cửa Lò được xác định là đô thị du lịch biển.

Sau 14 năm kể từ ngày thành lập, thị xã Cửa Lò đã đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, từng bước vươn lên trở thành đô thị du lịch biển hiện đại và có bản sắc trong hệ thống các đô thị du lịch biển của Việt Nam.

Phát huy lợi thế của một thị xã du lịch biển, Cửa Lò đã dần dần trở thành nơi mời gọi của nhiều dự án lớn trên nhiều lĩnh vực như công nghiệp, giáo dục, du lịch, dịch vụ,...

Từ những cơ sở kinh tế, xã hội nói trên, Cửa Lò đã dần thay đổi theo diện mạo mới, xứng đáng là một trong những trung tâm kinh tế - văn hoá - xã hội lớn của tỉnh Nghệ An.

Sau gần 15 năm thành lập và xây dựng, thị xã Cửa Lò đã có những bước phát triển ngoạn mục. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt gần 20%, riêng giai đoạn 2001 - 2005 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt đến 20,3%, năm 2006 là 19,8%, năm 2007 là 19,6% và năm 2008 là 19,3%. Năm 2000 GDP đạt 127 tỷ đồng tăng gấp 1,5 lần so với năm 1995 và năm 2007 tăng 3,6 lần so với năm 2000. Riêng khu vực dịch vụ, du lịch luôn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của Cửa Lò.

Về kết cấu hạ tầng, sau 15 thành lập và xây dựng, từ một hệ thống kết cấu hạ tầng nhất là điện - đường - trường - trạm gần như chưa có gì thì ngày nay Cửa Lò đã có một hệ thống hạ tầng đô thị tương đối đồng bộ. Riêng trong giai đoạn từ năm 2000 - 2005 toàn thị xã đã xây

dựng 115 công trình lớn nhỏ với tổng vốn đầu tư là 628 tỷ đồng. Đặc biệt thị xã đã trải nhựa và bê tông hoá trên 100 km đường giao thông nông thôn, mở rộng và xây dựng mới nhiều tuyến đường khác.

Để đảm bảo cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và nhân dân được dùng điện, thị xã đã xây dựng đường điện 110 kv và 35 kv, đến nay 100% hộ gia đình đã được dùng điện lưới ổn định.

Nhằm chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân và du khách, hiện nay thị xã đã có 1 bệnh viện đa khoa với 65 giường bệnh và các trang thiết bị hiện đại, đội ngũ y, bác sỹ được nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng khám chữa bệnh kịp thời cho nhân dân; 1 Trung tâm y tế dự phòng, 6 Trung tâm điều dưỡng lớn của Trung ương và tỉnh đóng trên địa bàn,...

Trên lĩnh vực giáo dục Cửa Lò cũng đang dần trở thành 1 trung tâm đào tạo nguồn nhân lực. Ngoài các trường cao đẳng và trung cấp đang hoạt động tại thị xã, năm 2009 Trường Đại học công nghệ Vạn Xuân với quy mô đầu tư 400 tỷ đồng sẽ chiêu sinh khoá đầu tiên với số lượng đào tạo 6.500 sinh viên/khoá học. Việc các trường đại học, cao đẳng về xây dựng và hoạt động ở Cửa Lò không những góp phần gia tăng dân số cơ học cho thị xã mà còn giúp Cửa Lò sớm thực hiện được mục tiêu bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề cho đội ngũ cán bộ và nhân viên hoạt động trong ngành du lịch và các ngành khoa học khác.

Cửa Lò có vị trí quan trọng trong hệ thống phòng thủ của quốc gia, cửa ngõ giao lưu quốc tế và trong nước về cả đường bộ, đường biển và đường không.

Thị xã luôn giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Chủ động đẩy mạnh công tác phòng ngừa, tấn công truy quét các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế với mức

thấp, tai nạn giao thông giảm; dân chủ cơ sở được quan tâm chỉ đạo tốt hơn.

Bên cạnh những thành tích trong xây dựng và phát triển đô thị, thị xã Cửa Lò cũng còn những hạn chế như việc khai thác du lịch mới đạt 5 – 6 tháng/năm do bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ; tính chuyên nghiệp trong dịch vụ còn thấp, kinh tế tập thể chưa được quan tâm đúng mức; thị xã còn gặp khó khăn về vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chăm sóc và bảo vệ môi trường, duy trì và tôn tạo cảnh quan, xây dựng mới công trình hạ tầng thiết yếu và mở rộng không gian đô thị để tạo tiền đề thu hút đầu tư trong các lĩnh vực phát triển dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, đào tạo nguồn nhân lực,...

Để đạt mục tiêu xây dựng thị xã Cửa Lò thành một đô thị có vai trò là trung tâm du lịch nghỉ mát mang tầm quốc gia và khu vực, đầu

mối vận tải biển của vùng Bắc Trung Bộ, cùng với thành phố Vinh trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh Nghệ An và Bắc Trung Bộ, một trong những trung tâm phát triển kinh tế và đô thị hoá quan trọng của tỉnh Nghệ An, thì việc xác định một cấp đô thị mới cao hơn có đủ điều kiện về quyền hạn quản lý, tiềm năng về không gian, vật chất, cơ chế chính sách phù hợp cho sự phát triển của thị xã Cửa Lò là hợp lý.

Ngày 12/3/2009 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 234/QĐ-BXD công nhận thị xã Cửa Lò là đô thị loại III.

Việc nâng cấp thành đô thị loại III sẽ tạo tiền đề cho việc phát triển thị xã Cửa Lò và cùng với thành phố Vinh trở thành khối liên hợp đô thị, đóng góp tích cực vào sự phát triển của tỉnh Nghệ An và khu vực.

**Huỳnh Phước**

## **Thị xã Bảo Lộc được công nhận là đô thị loại III**

Thị xã Bảo Lộc hiện là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội lớn ở phía Nam của tỉnh Lâm Đồng sau thành phố Đà Lạt. Thị xã là trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp lớn nhất tỉnh, giàu tiềm năng về thiên nhiên, khoáng sản, đất đai, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Bảo Lộc là thủ phủ của một trong hai trung tâm lớn về chè, cà phê và các sản phẩm liên quan của cả nước.

Phát huy lợi thế về vị trí, tiềm năng, những năm qua, Đảng bộ và nhân dân thị xã Bảo Lộc đã không ngừng khắc phục khó khăn để xây dựng và phát triển thị xã theo hướng hiện đại, văn minh, giàu đẹp. Kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, bình quân giai đoạn 2000 - 2005 đạt 12,2%, thu nhập bình quân năm 2007 đạt 12,96 triệu đồng/người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,7% năm 2007, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng cùng với tốc độ đô thị hoá. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội được đầu tư đồng bộ đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã cũng như của tỉnh.



*Một góc thị xã Bảo Lộc - ảnh: Văn Thương*

Với những thành tựu đã đạt được và để thực hiện các chương trình hành động đã đề ra cũng như thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển thị xã Bảo Lộc, việc phân loại đô thị Bảo Lộc là đô thị loại III là hợp lý, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lâm Đồng nói chung và thị xã Bảo Lộc nói riêng, phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh Lâm Đồng và cả nước, là động

lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn thị xã Bảo Lộc và tỉnh Lâm Đồng.

Thị xã Bảo Lộc là đô thị miền núi nằm trên cao nguyên Di Linh, khu vực trung tâm của vùng Nam Lâm Đồng, cách Đà Lạt 110 km, TP Hồ Chí Minh 180 km và TP Biên Hoà 140 km.

Bảo Lộc có cảnh quan thiên nhiên đẹp và đa dạng, xen với địa hình núi cao, đồi dốc, thung lũng là các thắng cảnh nổi tiếng như thác ĐamBri, thác 7 tầng, núi, hồ, công viên, vườn hoa, cùng với những cảnh quan khác tạo nên lợi thế cho phát triển du lịch. Bản thân Bảo Lộc đã là một khu du lịch lớn. Không khí trong lành và cảnh sắc phong phú thuận lợi cho các loại hình du lịch nghỉ mát, nghỉ dưỡng, tham quan và lợi cho sức khoẻ của con người.

Trong những năm gần đây việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của thị xã ngày càng có nhiều tiến bộ. Tổng thu ngân sách năm 2007 đạt 392,329 tỷ đồng, năm 2008 ước thu 480 - 500 tỷ đồng. Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2001 - 2005 đạt 12,1%/năm, năm 2007 đạt 16%/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2007 là 770 USD. Về cân đối thu chi ngân sách, địa phương bảo đảm được ngân sách và có điều tiết về ngân sách cấp trên. Từ năm 2001 đến nay, cơ cấu kinh tế của thị xã chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp và tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng. Tỷ trọng các ngành tương ứng trong năm 2008: Nông lâm nghiệp đạt 20,79%; công nghiệp - xây dựng đạt 45,62% tăng 8,18% so với năm 2001; thương mại, dịch vụ đạt 33,59%.

Từ khi được thành lập theo Nghị định 65/NĐ-CP ngày 11/7/1994 của Chính phủ thị xã đã vượt qua nhiều thử thách, phấn đấu giành nhiều thắng lợi trên nhiều lĩnh vực. Từ một thị xã có quy mô trung bình theo phân cấp đô thị trong cả nước trở thành một trung tâm thứ hai của tỉnh Lâm Đồng hiện nay về kinh tế, xã hội có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh phía Nam nói riêng và trong cả tỉnh nói chung.

Thị xã đã có những bước chuyển biến rất tích cực trong việc chuyển từ một đô thị với cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn tương đối cao sang một đô thị có cơ cấu sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Kết cấu hạ tầng được nâng cấp, đầu tư theo quy hoạch, dần đáp ứng được các tiêu chuẩn đô thị và phù hợp với điều kiện phát triển tại địa phương. Công tác quản lý hành chính, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được cải tiến theo, nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành.

Trong những năm qua, thị xã được từng bước ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, nâng cao năng lực quản lý đô thị. Hệ thống giao thông, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị có bước phát triển đáng kể, một số công trình với kiểu dáng kiến trúc mới, hiện đại đang được chuẩn bị xây dựng, tạo cho bộ mặt thị xã ngày càng khang trang, sạch đẹp. Hạ tầng xã hội như y tế, giáo dục, thông tin liên lạc đã được đầu tư, sự nghiệp văn hoá xã hội được duy trì và phát triển, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo vững chắc, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy kinh tế xã hội của tỉnh và vùng Nam Tây Nguyên.

Với những kết quả nêu trên thị xã Bảo Lộc cơ bản đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định đối với đô thị loại III.

Ngày 11/3/2009 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có quyết định số 225/QĐ-BXD công nhận thị xã Bảo Lộc là đô thị loại III.

Được công nhận là đô thị loại III, thị xã Bảo Lộc sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn và tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, công nghiệp, dịch vụ du lịch của vùng phía Nam tỉnh Lâm Đồng cũng như thị xã tỉnh lỵ tỉnh Lâm Đồng mới, có điều kiện thuận lợi để sớm hoà nhập và phát triển cùng với các đô thị trong khu vực cũng như trong cả nước.

**Huỳnh Phước**

## Những vấn đề kinh tế và pháp luật trong dự án BT

BOT là viết tắt của Build - Own - Transfer (xây dựng-sở hữu-chuyển giao) hay Build - Operate - Transfer (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao), nhưng hiện nay thường dùng để chỉ hình thức Build-Operate-Transfer (xây dựng-kinh doanh - chuyển giao); BT là một loại hình chuyển đổi từ hình thức BOT, tức là Build - Transfer (xây dựng - chuyển giao), hình thức này được chính phủ thông qua những thoả thuận đặc biệt về cấp phép quyền xây dựng, nhằm thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để xây dựng cơ sở hạ tầng cho chính phủ, sau khi công trình được hoàn thiện, các cơ quan nhà nước sẽ mua lại quyền sử dụng công trình này theo như thoả thuận. Hiện nay, phương thức nhận thầu BOT được áp dụng khá nhiều ở Trung Quốc, trong khi phương thức BT lại chưa thực sự phổ biến.

### I. Đặc điểm pháp luật trong dự án BT

BT là một hình thức mới, phương thức đầu tư mang đặc thù riêng, so với các hình thức huy động vốn khác thì dự án BT mang đặc điểm pháp luật riêng, điều này được biểu hiện, cụ thể dưới các mặt sau:

#### 1. Đặc trưng về pháp luật trong dự án BT

Thoả thuận cấp phép xây dựng dự án BT mang đặc thù rất riêng biệt, nó khác so với việc chính quyền phê chuẩn xây dựng dự án, nó không chỉ đơn thuần là thoả thuận bình đẳng giữa chính quyền và cá nhân đầu tư nhằm mục tiêu quản lý hành chính và thực hiện chức năng hành chính mà ngược lại nó đã mở rộng và thiết cập đến luật dân sự, hành chính và kinh tế. Tính chất pháp luật tương đối phức tạp.

#### 2. Tính đặc thù của chủ thể trong dự án BT

Chủ thể trong dự án BT bên A là chính phủ hoặc cơ quan chức năng đại diện cho chính phủ, bên B là nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp, phần lớn là các doanh nghiệp nước ngoài, , trong đó chính phủ hoặc cơ quan chức năng của chính phủ đóng 2 vai trò quan trọng

vừa là đối tác với nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp,,vừa là bên giám sát quản lý việc thực thi dự án.

#### 3. Tính đặc trưng của đối tượng đầu tư trong dự án BT

Các công trình thi công cơ sở hạ tầng thuộc tiêu chí của dự án BT như cầu, đường quốc lộ, và các dự án đầu tư xây dựng công trình phúc lợi xã hội đều thuộc quyền quyết định của chính phủ nước sở tại. Tuy nhiên, vì dự án BT đem lại những lợi ích thiết thực cho nhân dân nước sở tại, cho nên nhà nước cần phải biết cân bằng quyền lợi giữa 2 bên, căn cứ vào tình hình thực tế của đất nước, đảm bảo nhà đầu tư vẫn có lợi, đồng thời bên A cũng thực thi quyền quyết định giá và quyền quản lý giám sát tương ứng.

#### 4. Tính phức tạp về quan hệ pháp luật trong dự án BT

Nội dung trong dự án BT có liên quan đến một loạt các hoạt động như đầu tư, tài chính, xây dựng, chuyển giao, các bên tham gia gồm có chính phủ nước sở tại, chủ đầu tư dự án, đơn vị thi công, đơn vị cung ứng nguyên vật liệu cho dự án, người phụ trách huy động vốn, công ty bảo hiểm và một số đơn vị khác, Phương thức đầu tư cho dự án BT hình thành nên mối quan hệ pháp luật khá phức tạp giữa các bên liên quan.

#### 5. Hợp đồng của dự án BT là tổ hợp của nhiều loại hợp đồng

Quyền và nghĩa vụ của bên A được xác lập thông qua hợp đồng, trong đó bao gồm hợp đồng vay vốn, hợp đồng xây dựng, thoả thuận mua lại và thoả thuận cổ đông. Một hợp đồng đầu tư dự án BT thường có khoảng 20 điều : định nghĩa và giải thích các từ thuật ngữ, công trình, chi phí công trình, trách nhiệm thi công công trình, xây dựng cơ sở hạ tầng, chuyển giao quyền sở hữu, trách nhiệm bồi thường, văn bản và bằng sáng chế, điều khoản bắt buộc, bảo hiểm và giải quyết tranh chấp...

### II. Vai trò của BT



Những năm gần đây, nền kinh tế Trung Quốc phát triển một cách nhanh chóng, mọi mặt đều có sự tiến bộ rõ rệt, đây chính là điều kiện thuận lợi để phát triển các dự án BT. Kinh tế phát triển kéo theo yêu cầu ngày càng cao đối với việc xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, vậy nên áp dụng cách thức gì để đảm bảo tính khoa học, hiệu quả kinh tế của phương thức BT, nhằm đưa vào thị trường một phương thức đầu tư mới, nhưng vẫn phát huy được hiệu quả tối đa, điều đó được thể hiện chủ yếu dưới những phương diện sau:

1. Phương thức BT hỗ trợ giảm nhẹ khó khăn về vốn trong xây dựng cơ sở hạ tầng

Theo dự tính của cơ quan chức năng, trong 10 năm tới, tổng mức đầu tư xây mới và tu sửa đường quốc lộ là 700-800 tỷ NDT. Trong thời gian thực hiện “kế hoạch 5 năm lần thứ 10”, tỉnh Quảng Đông đầu tư xây dựng 45 dự án đường quốc lộ, với tổng chiều dài hơn 2500 km, tổng số vốn đầu tư là 120 tỷ NDT. Việc áp dụng phương thức BT đã giải quyết hiệu quả hai vấn đề rất lớn hiện nay đó là thiếu hạ tầng cơ sở và thiếu vốn đầu tư xây dựng, Phương thức này có lợi đối với việc thu hút và huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đây chính là điểm tăng trưởng kinh tế mới, là mô hình xây dựng tích cực.

2. Phương thức BT hỗ trợ tích cực cho nhà nước thực thi chính sách về tài chính

Những chính sách về tài chính có tác dụng xuyên suốt toàn bộ quá trình thực hiện công tác tài chính, nó tập trung thể hiện ở các phương diện như thu nhập, chi tiêu, cân bằng dự toán và các khoản vay nợ. Trước tình hình nền kinh tế quốc dân tồn tại hiện tượng thiếu cầu, nhà nước đã thông qua chính sách mở rộng tài chính để cân bằng tổng cung và cầu nhằm đảm bảo chính sách tài chính vận hành thuận lợi, góp phần thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển theo chiều hướng tích cực và hiệu quả.

3. Phương thức BT có tác dụng ngăn ngừa rủi ro về tài chính

Có thể nói nguồn vốn chính là “huyết mạch”

của xã hội, nó mang tính miễn cảm cho nên bất kỳ một vấn đề xã hội nào cũng đều có thể ảnh hưởng đến ngành tài chính. Một khi rủi ro về tài chính xuất hiện, thì nó sẽ tạo ra hiệu ứng dây chuyền với sức lan toả nhanh, uy hiếp đến sự ổn định của xã hội và toàn bộ nền kinh tế. Phương thức BT không cần hoặc cần ít vốn đầu tư của nhà nước nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu mở rộng xây dựng cơ sở hạ tầng, phương thức này vừa đạt hiệu quả trong việc khống chế quy mô vay nợ, vừa có tác dụng kích cầu trong nước.

4. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả và chất lượng vận hành dự án

Phương thức BT giúp thu hút công nghệ kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến trong đầu tư xây dựng và giúp cải thiện kết cấu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Đồng thời nó cũng mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp đầu tư, phía đầu tư nên căn cứ vào kế hoạch đầu tư của chính phủ để lên phương án đầu tư cụ thể, hạn chế việc gặp phải rủi ro trong đầu tư, thông qua đầu tư dự án để tăng vốn.

### III. Thiếu sót của BT

Phương thức BT đã tỏ rõ vai trò quan trọng của nó, tuy nhiên vẫn còn tồn tại không ít vấn đề, cụ thể như sau:

1. Chi phí xây dựng quá lớn

Việc áp dụng phương thức BT trong đầu tư xây dựng bắt buộc các chủ đầu tư phải trải qua các giai đoạn như xác định dự án, chuẩn bị dự án, gọi thầu, đàm phán, ký kết các hợp đồng có liên quan và chuyển giao, ngoài ra phải thông qua rất nhiều khâu khác như xin giấy phép của cơ quan chức năng, chứng minh tài chính, quan trọng nhất là do phải qua nhiều công đoạn nên chi phí bị đội lên rất nhiều điều đó đã gây trở ngại và khó khăn cho việc thực thi dự án..

2. Khó khăn trong việc quản lý nguồn vốn huy động

Do phương thức đầu tư BT có tính đặc thù riêng về pháp luật, hơn nữa lại khá phức tạp một hợp đồng BT là tổ hợp của nhiều loại hợp đồng cho nên việc quản lý giám sát vốn huy động cũng gặp phải nhiều khó khăn..

3. Tình trạng phân thầu dự án BT còn nhiều nan giải

Trong phương thức BT, chính quyền chỉ liên hệ trực tiếp với tổng thầu dự án, và đơn vị thầu sẽ phụ trách toàn bộ công trình, chính phủ không trực tiếp tham gia quản lý công trình nên dễ xảy ra hiện tượng chia thầu.

4. Chất lượng dự án BT không được đảm bảo

Trong dự án BT, tuy chính phủ có quy định sẽ hỗ trợ phía nhà đầu tư trong việc lập nên hệ thống đảm bảo chất lượng, để nhà đầu tư có báo cáo cụ thể với chính phủ về việc kiểm tra đánh giá chất lượng công trình, chế độ quản lý các hạng mục công trình, chế độ đảm bảo an toàn lao động. Nhưng do nhà đầu tư buông lỏng công tác quản lý, giám sát chỉ chú trọng đến lợi ích cá nhân cho nên chất lượng công trình chưa thực sự được quan tâm và đảm bảo.

#### **IV. Kiến nghị về việc hoàn thiện dự án BT**

1. Tìm sự hỗ trợ từ phía pháp luật, hoàn thiện cơ chế vận hành BT

Để đảm bảo dự án BT được đàm phán, ký kết, thực thi và chuyển giao thuận lợi thì cần phải được sự hỗ trợ của pháp luật. Pháp luật là cơ sở để đảm bảo cho dự án BT vận hành hiệu quả và hoàn chỉnh.

1.1 Đàm phán dự án BT

Khi cơ quan quản lý nhà nước lựa chọn phương thức BT để tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng, thì cần có sự tham gia của các luật sư, công chứng viên là những người có nghiệp vụ chuyên môn về pháp luật trong quá trình đàm phán, soạn thảo văn bản pháp luật, tư vấn pháp luật và đưa ra các kiến nghị... Nếu tiến hành lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức gọi thầu thì nên có sự tham gia của cơ quan công chứng, để đảm bảo việc tuân thủ đúng quy định của luật pháp căn cứ theo “Quy định gọi và đấu thầu của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa” và “Quy định về công chứng gọi và đấu thầu” của Bộ Tư Pháp Trung Quốc về việc thẩm tra toàn bộ quá trình gọi và đấu thầu, đặc biệt là việc tiến hành công chứng tính chân thực và hợp pháp của quá trình mở thầu.

1.2. Quá trình ký kết hợp đồng

Sau khi xác định doanh nghiệp thầu dự án BT, cơ quan quản lý nhà nước cần ký kết “hợp đồng đầu tư xây dựng” với doanh nghiệp thầu. Đây là bản hợp đồng chính của dự án BT, những thoả thuận sau đó đều phải căn cứ theo các điều khoản quy định bản hợp đồng này, phải đảm bảo tính chân thực và hợp pháp của bản hợp đồng. Nếu đơn vị thầu là tập hợp của nhiều doanh nghiệp khác nhau thì giữa các doanh nghiệp cũng nên làm hồ sơ công chứng. Trong thực tế, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thường căn cứ vào thông lệ quốc tế từ đó đưa ra yêu cầu về hồ sơ công chứng để đảm bảo dự án BT có tính quy chuẩn hơn.

1.3. Quá trình thực thi dự án BT

Khi nhà thầu triển khai một số các hoạt động gọi và đấu thầu mua sắm vật tư, xây dựng công trình và ký kết một số hợp đồng có liên quan như hợp đồng thầu dự án, hợp đồng vay vốn, hợp đồng thầu xây dựng, hợp đồng lắp đặt xây dựng, hợp đồng khảo sát thiết kế, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng thuê, hợp đồng cung ứng điện, hợp đồng bảo hiểm ... thì cần phải có sự tham gia của cơ quan công chứng, công chứng viên căn cứ theo từng loại hình công trình, hồ sơ thiết kế, xây dựng, mua sắm vật tư, cung ứng thiết bị để tiến hành phân tích chuyên sâu từ đó tư vấn giúp đỡ nhà thầu hoàn thiện các điều khoản trong hợp đồng, đồng thời tiến hành thẩm tra chặt chẽ và đưa ra các bản công chứng liên quan.

1.4. Quá trình chuyển giao dự án BT

Sau khi hoàn thành công trình dự án BT, nhà đầu tư phải làm đơn xin phép chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sẽ tổ chức nghiệm thu công trình, sau khi hoàn tất quá trình nghiệm thu phía đầu tư làm đơn chuyển giao, và khi có được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì quyền sở hữu và quyền sử dụng dự án BT hoàn toàn thuộc về nhà nước. Việc chuyển giao dự án BT thông qua cơ quan công chứng sẽ là cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia dự án.

2. Chính sách ưu đãi dành cho doanh nghiệp thầu dự án BT

Xây dựng cơ sở hạ tầng theo phương thức BT có nhược điểm là thời gian xây dựng dài, tốc độ thu hồi vốn chậm, rủi ro lớn. Bởi vậy, nhà nước nên có chính sách ưu đãi dành cho nhà đầu tư dự án BT để giảm bớt gánh nặng cho nhà đầu tư. Nhà nước có thể đưa ra các chính sách ưu đãi có lợi cho nhà đầu tư như chính sách ưu đãi về quản lý dự án, ưu đãi về thuế, chính sách trợ cấp, chính sách đảm bảo xã hội... nhằm hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư khi tham gia dự án.

3. Nhà nước cần tăng cường quản lý giám sát dự án BT

Hiện nay, Trung Quốc có quy định hạn chế nhà đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ quan quản lý nhà nước có thể căn cứ vào thực tế dự án BT để điều chỉnh mức độ quản lý giám sát đối với nhà thầu dự án BT, có thể áp dụng các biện pháp sau:

a. Xác định rõ phương hướng

Cung cấp vật liệu kỹ thuật, bồi dưỡng nhân viên quản lý, phát huy hiệu quả hiệu ứng đòn bẩy tài chính, đảm bảo chất lượng công trình dự án BT;

b. Xác định chỉ tiêu

Thiết lập chỉ tiêu về vốn và chất lượng. Nếu đơn vị thi công và nhà thầu không liên quan đến nhau, mà đơn vị thi công tự quản lý nhân công hoặc phụ trách một trong các khâu thi công thì nên được xem là nhà thầu phụ;

c. Hạn định số lượng

Chính quyền cần xác định quy mô xây dựng, nội dung xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng, mức đầu tư, thời gian thi công các hạng mục, thời gian hoàn thành công trình và xác định mức đầu tư của nhà đầu tư;

d. Phạm vi giám sát quản lý

Nhà nước phải phụ trách giám sát quản lý toàn bộ quá trình thực hiện dự án BT. Nhà nước cần tiến hành giám sát quản lý chặt chẽ các khâu thiết kế, gọi và đấu thầu dự án, tiến độ thi công và chất lượng xây dựng của dự án BT, nhà

nước có quyền đề ra các biện pháp hỗ trợ về quản lý, tổ chức và kỹ thuật;

e. Biện pháp pháp luật

Nếu trong quá trình thực thi dự án phát sinh tham nhũng hoặc vượt quá quy định về số lượng đã được quy định trong hợp đồng thì cần phải có sự can thiệp của pháp luật. Trong quá trình thi công, nếu phát hiện nhà thầu có hành vi phân thầu sai quy định người chịu trách nhiệm quản lý giám sát công trình có quyền tiến hành điều tra, nhà thầu có nghĩa vụ phối hợp điều tra và cung cấp các tài liệu có liên quan. Nếu thực sự có xảy ra sai phạm thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo như cam kết đã thoả thuận trong hợp đồng.

4. Thiết lập cơ chế đối phó rủi ro trong dự án BT

Nguồn vốn cần huy động cho dự án BT càng lớn thì rủi ro càng cao. Kết quả xử lý rủi ro có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của dự án, vì vậy nhà nước cần tiến hành phân tích các chính sách quản lý rủi ro trong đầu tư. Phân tích, đánh giá rủi ro, xác định chủng loại rủi ro ngay từ giai đoạn theo dõi dự án, đưa ra các đối sách phòng tránh rủi ro nếu có để đảm bảo dự án được tiến hành thuận lợi. Thứ nhất, chính quyền phải biết nhìn xa, dự tính và đề ra các biện pháp phòng tránh rủi ro có thể xảy ra. Như rủi ro về chính trị, kinh tế, pháp luật, môi trường và giải phóng mặt bằng, kinh doanh, kỹ thuật, lưu thông vốn và thị trường... ; thứ hai là, trong hợp đồng cần bổ sung thêm các điều khoản để hạn chế rủi ro; thứ ba là, cơ quan quản lý nhà nước cần xây dựng đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao để đàm phán với phía nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời liên tục nâng cao năng lực đàm phán cho cán bộ.

5. Hoàn thiện pháp luật dành cho dự án BT

Phương thức đầu tư BT là một mô hình mới ra đời, nên còn thiếu kinh nghiệm thực tế. Vì vậy, cơ bản nhất và quan trọng nhất là cần xác định luật bảo vệ hợp đồng. Về phương diện quản lý, giữa quyền lợi của nhà đầu tư và quyền hạn của nhà nước cần phải có sự điều chỉnh

cho hợp lý để hai bên dễ dàng đạt được thỏa thuận trong việc xác định dự toán mức đầu tư, hồ sơ thiết kế, kiểm nghiệm chất lượng công trình và thẩm kê tài chính. Tuy nhiên, hiện nay Trung Quốc vẫn chưa có luật riêng dành cho các dự án BT, bởi vậy chính phủ cần đẩy mạnh công tác lập pháp, sớm cho ra đời một bộ luật

hoàn thiện có tác dụng tích cực đối với việc đầu tư và vận hành dự án BT, góp phần xúc tiến nền kinh tế quốc dân phát triển ổn định và nhanh chóng.

**Dịch Bản – Trình Siêu**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Số: 19/2008*

**ND: Hoàng Hải**

## **Thành phố Xanh Pêtecua (LB Nga) với nhiệm vụ trọng tâm là cải thiện môi trường đô thị**

Trong những năm qua, ngành xây dựng thành phố Xanh Pêtecua tiếp tục tăng trưởng về số lượng. Trong 6 tháng đầu năm 2008 ngành đã bàn giao đưa vào sử dụng gần 1 triệu m<sup>2</sup> nhà ở, tương đương 10.000 căn hộ. Những số liệu đó cho thấy ngành đạt được tốc độ cần thiết. Tính đến cuối năm 2008 ngành dự định đưa vào sử dụng không dưới 2,07 triệu m<sup>2</sup> nhà ở và đến năm 2011 phải đạt chỉ tiêu 3 triệu m<sup>2</sup> nhà ở đưa vào sử dụng trong năm. Những số liệu đó một lần nữa khẳng định chính sách nhà ở tại Xanh Pêtecua vẫn được xem là chính sách ưu tiên hàng đầu.

Một trong những chỉ tiêu quan trọng phát triển ngành xây dựng khu vực là khối lượng nhà ở xã hội xây dựng bằng vốn ngân sách. Chỉ tiêu này cũng tăng hàng năm cho phép bảo đảm cung cấp nhà ở cho các đối tượng được quy định bởi pháp luật. Năm 2008 vốn ngân sách đầu tư cho xây dựng nhà ở xã hội đạt gần 15,3 tỷ rúp tăng 2 lần so với năm 2007. Đến cuối năm 2008 ngành xây dựng thành phố sẽ bàn giao đưa vào sử dụng không dưới 500.000 m<sup>2</sup> nhà ở xã hội; năm 2009 sẽ xây dựng gần 700.000 m<sup>2</sup> và năm 2011 sẽ xây dựng 1 triệu m<sup>2</sup>.

Đối với lĩnh vực xây dựng đô thị cần nhấn mạnh sự kiện quan trọng trong đó Hội đồng pháp luật thành phố đã thông qua quyết định bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển thành phố. Đến nay Quy hoạch này được thông qua từ 3 năm về trước. Đây cũng là văn bản hoạt động quy hoạch lãnh thổ đầu tiên ở LB Nga

được phê duyệt theo trình tự quy định trong Luật Xây dựng đô thị LB Nga mới có hiệu lực từ tháng 1/2005.

Mục tiêu chính của Quy hoạch tổng thể Xanh Pêtecua là đạt được các tiêu chuẩn sống châu Âu đối với thành phố. Văn bản xây dựng đô thị nêu trên góp phần quan trọng vào thành công của các dự án ưu tiên quốc gia cũng như thực hiện các hướng phát triển chủ yếu của thành phố, trong đó phải kể đến Dự án ưu tiên quốc gia “Phát triển nhà ở phù hợp khả năng chi trả và tiện nghi cho nhân dân Nga”, việc phát triển của các lĩnh vực giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, phát triển các công nghệ mới, giải quyết vấn đề giao thông, tạo việc làm. Những vấn đề đó và nhiều vấn đề quan trọng khác được giải quyết trong văn bản nêu trên. Việc điều tiết hoạt động xây dựng đô thị và quy hoạch vùng lãnh thổ giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đô thị lớn.

Phần lớn những sửa đổi được bổ sung vào Quy hoạch tổng thể liên quan đến sự phân vùng chức năng. Trước hết đó là sự hợp nhất các vùng chức năng thành các vùng lớn hơn để tạo ra môi trường sống tiện nghi hơn và bảo đảm một cách hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng cần thiết cho việc phát triển các vùng lãnh thổ mới.

Những bổ sung sửa đổi đó bật đèn xanh cho việc thực hiện các dự án lớn có tính chiến lược đòi hỏi các nguồn lực đất đai cũng như hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng giao thông. Về tương lai lâu dài điều đó cho phép tiếp tục phát triển mạnh

mẽ Xanh Pêtecua như một trung tâm thương mại và công nghiệp lớn.

Gần đây thành phố đã ban hành Luật Phát triển các vùng lãnh thổ đã được xây dựng. Ngay vào thời gian tới thành phố sẽ thực hiện hình thức đấu giá mới áp dụng đối với xây dựng lại vùng lãnh thổ, các ô phố mà trên đó có các nhà ở hư hỏng, nguy hiểm cần phải được phá dỡ để xây dựng các toà nhà mới với mật độ cao. Trước hết, điều đó liên quan đến các ô phố xây dựng hàng loạt loại nhà chung cư lắp ghép 5 tầng cũ. Tại vị trí của những ngôi nhà hư hỏng, gần đến mức nguy hiểm và không đáp ứng được các tiêu chuẩn vệ sinh hiện đại sẽ bị phá dỡ lấy đất xây dựng bằng phương pháp “sống” nhà ở tiện nghi, hiện đại sau đó những cư dân sống tại các ô phố xây dựng loại nhà lắp ghép 5 tầng cũ sẽ được chuyển đến đây ở. Nếu chủ trương này nhận được sự hiểu biết của cư dân thì chương trình xây dựng sẽ được thực hiện trong 15 năm.

Để xây dựng Xanh Pêtecua trong tương lai, chính quyền thành phố đang đứng trước một mục tiêu quan trọng đó là xây dựng thành phố đạt các tiêu chuẩn sống châu Âu. Xanh Pêtecua không chỉ là thành phố đẹp mà còn được gọi là thành phố của các tiêu chuẩn châu Âu.

Mục tiêu lớn đó đặt ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể trong xây dựng thành phố như về nhà ở phải đảm bảo chỉ tiêu 35 m<sup>2</sup> diện tích sử dụng/người và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị như xây dựng các đường cao tốc và nút giao thông, phát triển logistic, xây dựng khách sạn, các trung tâm kinh doanh, các tổ hợp thương mại, phát triển hạ tầng xã hội như xây dựng bệnh viện, trạm y tế và nhiều công trình khác.

Những hướng phát triển trên được thành phố xem là những hướng quan trọng nhất và trong đó đã đạt được nhiều kết quả tích cực như hoạt động xây dựng đang diễn ra hầu như không có giới hạn, các di tích lịch sử được phục chế, các toà nhà mới hiện đại mọc lên làm nên bộ mặt

của thành phố hiện đại trên sông Nhêva.

Như trên đã nêu đối với Xanh Pêtecua chính sách nhà ở luôn luôn đứng ở vị trí số 1. Hiện nay chỉ tiêu ở của thành phố là 23 m<sup>2</sup> diện tích sử dụng/người kể cả quỹ nhà ở hư hỏng, nhà ở tập thể, ký túc xá, còn xa với tiêu chuẩn châu Âu là 35 m<sup>2</sup> diện tích sử dụng/người. Tuy nhiên tiền đề thực hiện đã có. Quy hoạch tổng thể xây dựng thành phố dự tính xây dựng 70 triệu m<sup>2</sup> nhà ở. Hiện nay trên các giai đoạn xây dựng khác nhau đang xây dựng khoảng 12 triệu m<sup>2</sup> nhà ở; quỹ đất hiện có cho phép xây dựng 24 - 26 triệu m<sup>2</sup> nhà ở dự trữ. Số đất trên đã có quyết định xây dựng. Điều đó cho phép có được những con số dự báo lạc quan hơn đối với khối lượng xây dựng nhà ở của thành phố. Ngoài ra, một trong những nội dung chính của Đề án quốc gia về nhà ở là xây dựng nhà ở “phù hợp khả năng chi trả”. Điều đó đòi hỏi xây dựng các cơ chế thích hợp. Sẽ không đúng nếu cho rằng giá nhà ở sẽ giảm mặc dù giá 1 m<sup>2</sup> nhà ở trước hết phụ thuộc mức cung và mức cầu mà hiện nay mức cung đang có phần chiếm ưu thế. Tuy nhiên việc tăng khối lượng xây dựng nhà ở vẫn là một trong ba hướng phát triển ưu tiên; hướng thứ hai và thứ ba liên quan các hình thức mua nhà ở. Thành phố đặt ra nhiệm vụ xây dựng các cơ chế tín dụng cung cấp cho cư dân. Sự đa dạng của các hình thức này là cơ sở cho sự thành công và điều rất quan trọng là làm sao để các cơ chế mua nhà ở hoạt động nhịp nhàng.



*Khu nhà ở mới xây dựng ở Xanh Pêtecua*

Đối với thành phố tín dụng thế chấp bất động sản có một vai trò quan trọng hàng đầu trong số các cơ chế hỗ trợ mua nhà ở. Khối lượng tín dụng cấp cho việc mua nhà ở tăng hàng năm. Năm 2006 đã cấp 11.000 tín dụng, năm 2007 cấp 18.000 tín dụng. Dự báo khối lượng cấp tín dụng sẽ tăng đều đặn trong các năm tới. Đến năm 2010 - 2011 khối lượng tín dụng cấp sẽ đạt khoảng 20.000 đến 25.000 đơn vị tín dụng sau đó sẽ ổn định và dao động trong khoảng này. Đây là mức tương đối phổ biến đối với hệ thống tín dụng bất động sản dài hạn phát triển.

Ngoài ra phải kể đến sự hỗ trợ cho các hình thức mua nhà ở. Loại hỗ trợ này rất đa dạng như hỗ trợ đối với số tiền nộp lần đầu khi mua nhà ở hoặc các chương trình hỗ trợ cho thanh niên, cho người hưởng lương ngân sách. Tất cả các biện pháp đó đều nhằm làm tăng sức mua của cư dân và giúp những người đang xếp hàng đợi giải quyết vấn đề ở có khả năng tự giải quyết vấn đề nhà ở của mình trên thị trường thứ nhất hoặc thị trường thứ hai. Vì vậy ở Xanh Pêtecua đã thành lập cả một hệ thống hoàn chỉnh hỗ trợ cư dân trong giải quyết vấn đề nhà ở.

Chương trình sắp xếp lại các căn hộ chung cư cũng được xây dựng theo nguyên tắc hỗ trợ. Chương trình đề xuất các phương án khả thi cải thiện điều kiện ở. Ví dụ, để sắp xếp lại căn hộ chung cư 2 phòng đôi khi được thực hiện bằng cách cấp căn hộ mới cho những người đang sử dụng 1 trong 2 căn phòng của căn hộ trên còn gia đình đang sử dụng căn phòng kia được mua lại căn phòng vừa có người chuyển đi căn hộ khác thêm vào đó căn phòng này được bán với giá ưu đãi giảm 30% so với giá thực tế của nó.

Thực chất của chương trình hỗ trợ người đang xếp hàng chờ giải quyết vấn đề nhà ở là họ sẽ được cấp giấy chứng nhận đối với số diện tích ở còn thiếu so với tiêu chuẩn chung của xã hội về nhà ở. Ví dụ, nếu một gia đình gồm 3 người và đang sử dụng căn hộ 40 m<sup>2</sup> thì xét theo tiêu chuẩn chung về nhà ở họ được sử dụng 54 m<sup>2</sup> (bằng 18 m<sup>2</sup>/người). Do vậy họ



*Trung tâm thương mại mới xây dựng ở một đường phố lớn tại Xanh Pêtecua*

được cấp giấy chứng nhận đối với số m<sup>2</sup> còn chưa được sử dụng và được hỗ trợ khoản tiền đủ để mua 14 m<sup>2</sup> đó trên thị trường. Sau khi bán căn hộ đang sử dụng kết hợp với khoản tiền hỗ trợ nêu trên gia đình đó sẽ đủ tiền để mua căn hộ 54 m<sup>2</sup>.

Việc thực hiện các chương trình mới nêu trên khiến ngân sách thành phố phải cung cấp những khoản kinh phí không phải là nhỏ.

Chất lượng xây dựng tại các khu phố trung tâm có ý nghĩa lịch sử của thành phố cũng đang có vấn đề. Chính phủ đã đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm không cho phép xây dựng các công trình mới mà gây ảnh hưởng tiêu cực đến các tòa nhà hiện có. Trách nhiệm do vi phạm rất nặng. Số tiền phạt do thi công sai tăng mạnh. Ngoài ra, đối với tất cả các trường hợp gây thiệt hại cho các tòa nhà bên cạnh phía xây dựng phải đền bù thiệt hại và trước đó cần phải dừng thi công, đây là những khoản chi phí tài chính rất lớn. Ngoài ra thực tế cũng cho thấy bằng phạt tiền và chế tài chưa giải quyết được vấn đề. Cần phải loại trừ ngay từ đầu những nguyên nhân do thi công xây dựng mà làm hư hỏng nhà bên cạnh và không chỉ tại khu vực trung tâm mà ở cả các khu vực khác. Chỉ riêng tại trung tâm thành phố hiện đang thực hiện gần 100 dự án xây dựng. Nhiều khi sự phàn nàn đối với các nhà xây dựng là có tính khách quan, bởi

trình độ thiết kế còn thấp và chất lượng thi công cũng như việc kiểm tra, giám sát còn yếu kém.

Đó cũng chính là lý do phải khôi phục hoạt động của Ủy ban Nền và móng. Thông thường phần lớn các vấn đề đều nảy sinh trên giai đoạn số 0 như phá dỡ công trình, khoan giếng cọc, đóng cọc và một số công việc khác. Ngoài ra, khi Cơ quan quốc gia kiểm tra và thẩm định xây dựng thực hiện thẩm định thiết kế thì công việc bắt buộc phải làm là Hội đồng kỹ thuật tiến hành khảo sát tình trạng móng của các ngôi nhà bên cạnh và đánh giá các giải pháp kỹ thuật nêu trong đồ án thiết kế về thi công nền

và móng cho các ngôi nhà mới. Thời gian tới sẽ thành lập Cơ quan quốc gia kiểm tra việc thực hiện chu trình số 0 khi xây dựng các công trình mới tại các khu phố trung tâm có ý nghĩa lịch sử hoặc các công trình được thi công ngay bên cạnh các toà nhà hiện có. Việc kiểm tra các công trường ở ngay khu vực trung tâm của thành phố cũng sẽ được tăng cường. Hình thức phạt cũng nặng hơn như sẽ buộc phải ngừng tất cả các công việc.

**Huyền Phước**

*Theo Báo Xây dựng Nga, số 32/2008*

## **6 yếu tố quan trọng để tạo ra công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao**

Công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao là kết quả chất lượng mà doanh nghiệp xây dựng cần nắm bắt. Số lượng công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao là thước đo năng lực quản lý chất lượng của doanh nghiệp. Chất lượng sản phẩm là cơ sở để doanh nghiệp xây dựng mở rộng thị trường. Công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao là thương hiệu của doanh nghiệp, là ưu thế cạnh tranh thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

Để tạo ra công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao ngoài yêu cầu cán bộ công nhân viên doanh nghiệp phải nâng cao nhận thức, còn yêu cầu doanh nghiệp cần phải tìm ra biện pháp thực hiện thiết thực, hiệu quả. Cụ thể, để tạo ra công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao yêu cầu doanh nghiệp phải chú trọng những phương diện sau:

Thứ nhất, thiết kế phải tối ưu. Bản thiết kế được đánh giá đạt loại xuất sắc ngoài yêu cầu phải đáp ứng nhu cầu của xã hội, chức năng hợp lý, công trình đảm bảo tính thẩm mỹ, đáp ứng nhu cầu sử dụng, còn cần đảm bảo tận dụng hợp lý nguồn tài nguyên xã hội, đảm bảo đạt giá trị kinh tế, giá trị chất lượng và giá trị xã hội cao nhất. Thiết kế tối ưu là thiết kế xuất sắc

nhất trong phương án thiết kế xuất sắc, chỉ có thiết kế tối ưu mới có thể vượt qua thử thách của thời gian.

Thứ hai, tiêu chuẩn phải cao. Thông thường các doanh nghiệp muốn xây dựng công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao thì phải đặt ra tiêu chuẩn hay quy định quản lý nội bộ cao hơn so với tiêu chuẩn của nhà nước và tiêu chuẩn của quốc tế, hơn nữa tiêu chuẩn sai sót thường được nâng cao hơn từ 5-10%. Với những tiêu chuẩn và quy định mà doanh nghiệp đưa ra thì chỉ tiêu kỹ thuật, chỉ tiêu kinh tế và chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm thông thường sẽ cao hơn so với chỉ tiêu mà doanh nghiệp cam kết với người tiêu dùng. Đây là những sản phẩm có thể thoả mãn nhu cầu và được người tiêu dùng trông chờ nhất, khiến người tiêu dùng càng thêm tin tưởng vào doanh nghiệp. Chính vì vậy, thông thường khi bắt đầu khởi công công trình, yêu cầu doanh nghiệp trước tiên phải thiết lập quy hoạch xây dựng công trình, sản phẩm chất lượng cao, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời thực hiện quản lý mục tiêu hoá, nỗ lực xây dựng công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao.

Thứ ba, yêu cầu kỹ thuật phải tiên tiến. Một

công trình, sản phẩm chất lượng cao trước tiên không phải chỉ hội tụ đủ các ưu điểm của một công trình thông thường, mà còn phải hấp thu và thể hiện được thành quả kỹ thuật xây dựng và khoa học kỹ thuật đương đại tiên tiến nhất. Cụ thể, một công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao yêu cầu phải ứng dụng các loại vật liệu mới, kỹ thuật mới, công nghệ mới, thiết bị mới; yêu cầu phải nâng cao hàm lượng khoa học kỹ thuật của sản phẩm xây dựng, ví dụ, công trình ứng dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến như kỹ thuật xử lý móng, công nghệ hàn nối kính tế hiệu quả cao, sử dụng các vật liệu mới như đường ống bằng nhôm; yêu cầu nâng cao chất lượng kết cấu công trình, chất lượng công trình tu bổ và công trình lắp đặt; đồng thời, trong quá trình thi công cần phải sáng tạo, như linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ thi công...

Thứ tư, công nghệ phải tinh xảo. Doanh nghiệp muốn xây dựng công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao yêu cầu phải có công nghệ sản xuất, thi công độc đáo, tinh xảo. Các công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao chính là kết quả của sự khéo léo, tỉ mỉ của doanh nghiệp thi công.

Thứ năm, quản lý phải chặt chẽ. Quản lý là mấu chốt không thể tách rời trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy muốn công trình đạt chất lượng, đặc biệt là xây dựng công trình chất lượng cao thì yêu cầu quản lý chặt chẽ. Đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp thi công công trình là số lượng sản phẩm lớn, trình tự sản xuất đơn kiện phức tạp, chu kỳ sản xuất dài, môi trường công tác khó khăn, tính lưu động lớn, đây là những yếu tố gây khó khăn cho công tác quản lý của doanh nghiệp. Trong điều kiện khó khăn như vậy, muốn tạo ra công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao thì ngoài yêu cầu doanh nghiệp

phải có đội ngũ ban lãnh đạo có năng lực quản lý, còn phải thiết lập một hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo chất lượng kiện toàn và hiệu quả, đồng thời thông qua công tác quản lý, phổ biến rộng rãi ý thức và mục tiêu tạo dựng công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao đến từng bộ phận, thậm chí từng công đoạn thi công, thực hiện quản lý chặt chẽ khâu cung ứng vật liệu, khống chế quá trình và khâu bảo hộ thành phẩm, thiết lập các biện pháp chỉnh sửa và cải tiến chất lượng phù hợp, loại bỏ các sản phẩm và dây chuyền sản xuất không đạt tiêu chuẩn, tiến tới thực hiện thi công xây dựng công trình chất lượng cao. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần quán triệt thực hiện tiêu chuẩn ISO 9000 và thực hiện quản lý chất lượng toàn diện, đảm bảo hệ thống chất lượng của doanh nghiệp vận hành hiệu quả, thực hiện mục tiêu xây dựng công trình, sản phẩm xây dựng chất lượng cao.

Thứ sáu, yêu cầu phục vụ phải tận tình, chu đáo. Phục vụ là công tác mấu chốt liên quan mật thiết đến vấn đề chất lượng sản phẩm xây dựng. Về vấn đề phục vụ thì người sử dụng là người có quyền phát ngôn cao nhất, họ là trọng tài nghiêm khắc nhất, chỉ khi họ cảm nhận được thái độ phục vụ chu đáo nhất, tiện lợi nhất và đáp ứng tối đa nhu cầu của họ thì chất lượng sản phẩm mới thực sự được đánh giá cao. Công trình, sản phẩm xây dựng được đánh giá là sản phẩm chất lượng cao khi chủ đầu tư hay người tiêu dùng nhất trí khẳng định cao ngay từ quá trình hình thành chất lượng sản phẩm, và khi chủ đầu tư cam kết sẽ cung cấp cho người tiêu dùng chất lượng phục vụ tận tình, chu đáo nhất./

**Lý Ngọc Bình**

*Nguồn: Tạp chí xây dựng TQ số 18/2008*

**ND: Hoàng Hải**



## **TRIỂN LÃM VIETBUILD HANOI 2009**

**XÂY DỰNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, NHÀ Ở & TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT**

**TẠI HÀ NỘI TỪ 26/3-30/3/2009**



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đọc Diễn văn khai mạc Triển lãm Vietbuild 2009 tại Hà Nội



Toàn cảnh Lễ khai mạc Vietbuild Hà Nội 2009